

MỤC LỤC

	Trang
MỞ ĐẦU	4
Chương 1: TỔNG QUAN VỀ LÝ LUẬN DU LỊCH CỘNG ĐỒNG	
1.1. Khái niệm cộng đồng địa phương.....	10
1.2. Khái niệm du lịch cộng đồng.....	11
1.3. Vai trò và đặc điểm của loại hình du lịch cộng đồng	13
1.3.1. Vai trò của loại hình du lịch cộng đồng.....	14
1.3.2. Đặc điểm của loại hình du lịch cộng đồng	15
1.4. Các nguyên tắc cơ bản về du lịch cộng đồng	17
1.5. Vai trò của cộng đồng du lịch địa phương trong hoạt động du lịch	19
1.6. Các bên tham gia vào DLCĐ.....	22
1.7. Xu hướng phát triển du lịch cộng đồng trên thế giới và Việt nam hiện nay	23
<i>Tiểu kết chương 1</i>	26
Chương 2: NGUỒN LỰC VÀ THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH CỘNG ĐỒNG TẠI TAM CỐC – BÍCH ĐỘNG	28
2.1. Các nguồn lực phát triển du lịch ở Tam Cốc – Bích Động	28
2.1.1. Vị trí địa lý và tài nguyên du lịch tự nhiên	28
2.1.1.1. Vị trí địa lý.....	28
2.1.1.2. Địa chất- Địa mạo	28
2.1.1.3. Khí hậu.....	31
2.1.1.4. Thủy văn	32
2.1.1.5. Sinh vật	32
2.1.1.6. Các điểm phong cảnh tự nhiên	33

2.1.2. Tài nguyên du lịch nhân văn và điều kiện kinh tế - xã hội.....	36
2.1.2.1. Tài nguyên du lịch nhân văn.....	36
2.1.2.2. Điều kiện kinh tế - xã hội	44
2.2. Thực trạng khai thác và phát triển du lịch cộng đồng ở khu du li. ch46 Tam Cốc – Bích Động	46
2.2.1. Tổ chức quản lý nhà nước về du lịch.....	46
2.2.2. Vốn đầu tư cho du lịch	47
2.2.3. Kết cấu hạ tầng phục vụ du lịch	49
2.2.4. Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch	50
2.2.5. Lao động việc làm	53
2.2.6. Khách du lịch	53
2.2.7. Doanh thu.....	58
2.2.8. Các tuyến du lịch	60
2.3. Thực trạng và kết quả tham gia của cộng đồng địa phương tại khu du lịch Tam Cốc – Bích Động	60
2.3.1. Thành phần tham gia hoạt động du lịch	60
2.3.2. Hình thức tham gia của người dân.....	61
2.3.3. Thu nhập của người dân địa phương từ hoạt động du lịch.....	62
2.3.4. Tính chất công việc của người dân địa phương trong hoạt động du lịch:.....	66
2.3.5. Các chế độ phân chia quyền lợi và nghĩa vụ của các bên tham gia.	66
2.3.6. Nhận xét chung về hoạt động du lịch tại khu du lịch Tam Cốc – Bích Động.....	68
<i>Tiểu kết chương 2</i>	77

**Chương 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP THỨC ĐẨY PHÁT TRIỂN DLCĐ TẠI
KHU DU LỊCH TAM CỐC – BÍCH ĐỘNG**

3.1. Giải pháp về cơ chế chính sách	79
3.2. Giải pháp về sản phẩm du lịch.....	81
3.3. Giải pháp về các hoạt động xúc tiến du lịch.....	83
3.4. Giải pháp đối với cộng đồng địa phương	83
3.5. Giải pháp phát triển loại hình du lịch nông nghiệp	89
KẾT LUẬN.....	91
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	93
PHỤ LỤC.....	95

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Từ xa xưa trong lịch sử nhân loại, du lịch đã được ghi nhận như một sở thích, một hoạt động nghỉ ngơi tích cực của con người. Ngày nay, du lịch đã trở thành một nhu cầu không thể thiếu được trong đời sống văn hóa – xã hội của các nước. Về mặt kinh tế, du lịch đã trở thành một trong những ngành kinh tế quan trọng và mũi nhọn của nhiều nước công nghiệp phát triển. Hiện nay, du lịch chỉ đứng sau công nghiệp dầu khí và ô tô. Đối với các nước đang phát triển, du lịch được coi là cứu cánh để vực dậy nền kinh tế của quốc gia.

Mặt khác, du lịch là một ngành tổng hợp, có mối quan hệ với nhiều lĩnh vực, nhiều ngành kinh tế - xã hội, trong đó mối quan hệ chặt chẽ, không thể tách rời với cộng đồng địa phương (người dân – chủ nhân của vùng đất có tài nguyên mà ngành du lịch đang khai thác và sử dụng). Đặc biệt là những nơi có loại hình du lịch sinh thái phát triển, sự thành công hay thất bại trong quá trình hoạt động phụ thuộc rất nhiều vào việc phối hợp, chia sẻ lợi ích, quyền lợi giữa các bên tham gia.

Do đó du lịch đã đem lại nhiều lợi ích trực tiếp hoặc gián tiếp cho cộng đồng địa phương như: tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập giúp xây dựng và tu bổ cơ sở vật chất hạ tầng, kỹ thuật tốt hơn, đem đến sự giao lưu văn hóa, xóa đói giảm nghèo, nâng cao cuộc sống của người dân, góp phần vào quá trình phát triển kinh tế của vùng, của đất nước... Điều đó mang lại ý nghĩa nhân văn rất lớn, thể hiện đường lối chiến lược, chính sách phát triển đúng đắn, phù hợp của mỗi nước, mỗi quốc gia.

Đối với Ninh Bình, là một vùng đất giàu tiềm năng du lịch cả về tài nguyên thiên nhiên lẫn tài nguyên nhân văn. Các tài nguyên đó hầu hết quy

tụ tại các trục đường giao thông, đi lại thuận tiện và không cách xa thủ đô Hà Nội về mặt địa lý.

Sự tham gia của cộng đồng địa phương trong các hoạt động du lịch ở Tam Cốc – Bích Động mới bước đầu phát triển và vẫn còn ở mức thấp, người dân chủ yếu tham gia ở một số khâu không quan trọng, lợi ích kinh tế không thường xuyên, bấp bênh. Các hình thức tham gia mang tính chất tự phát, xuất phát từ quy luật cung cầu của kinh tế thị trường chưa có sự chủ động, trong khi diện tích đất canh tác nông nghiệp ngày càng bị thu hẹp dần do các dự án đầu tư. Do đó vấn đề của người dân càng trở lên bức thiết hơn.

Sự bất cập trong quản lý, sự điều hòa lợi ích giữa các bên tham gia chưa tốt dẫn đến chất lượng cuộc sống của người dân chưa thực sự được đảm bảo.

Vấn đề đặt ra đối với khu du lịch Tam Cốc – Bích Động hiện nay là cần phải giúp người dân địa phương tham gia vào hoạt động du lịch, cùng vì lợi ích và mục đích chung để phát triển. Mặt khác du lịch cộng đồng cũng giúp cho người dân nâng cao chất lượng cuộc sống, nâng cao nhận thức về du lịch, về ý nghĩa bảo vệ tài nguyên môi trường du lịch, ý nghĩa của việc tạo ra môi trường nhân văn hấp dẫn khách du lịch.

Từ trước tới nay, đã có rất nhiều sách báo, tài liệu viết về danh thắng Tam Cốc – Bích Động, nhưng chủ yếu là ca ngợi cảnh đẹp của thiên nhiên, tìm hiểu về văn hóa lịch sử... phục vụ mục đích quảng bá du lịch mà ít ai tìm hiểu về người dân địa phương – chủ nhân của những tài nguyên đó đã làm du lịch như thế nào? tác động của du lịch đến đời sống của họ ra sao?... Chính vì thế tác giả đã quyết định chọn Đề tài : “Một số giải pháp thúc đẩy phát triển du lịch cộng đồng tại khu du lịch Tam Cốc – Bích Động, Ninh

Bình ”. Với mong muốn bằng những kiến thức đã học và tình yêu quê hương đất nước, sẽ góp một phần nhỏ bé vào sự phát triển du lịch nói riêng và sự phát triển kinh tế xã hội nói chung.

2. Phạm vi nghiên cứu của Đề tài

a. Phạm vi:

- Không gian nghiên cứu : Đề tài Khóa luận chủ yếu tập trung nghiên cứu trên địa bàn xã Ninh Hải, nơi có điểm du lịch mang tính quốc gia, quốc tế đó là: Khu du lịch Tam Cốc – Bích Động.

- Thời gian nghiên cứu : Số liệu nghiên cứu trong giai đoạn từ năm 2002 đến 2008.

b. Đối tượng nghiên cứu:

- Điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội và tài nguyên du lịch (tự nhiên và nhân văn) để thúc đẩy phát triển du lịch cộng đồng ở khu du lịch Tam Cốc – Bích động.

- Cộng đồng địa phương xã Ninh Hải và một số vùng phụ cận tham gia vào phục vụ du lịch.

2. Mục đích, nhiệm vụ của đề tài

a. Mục đích:

- Nâng cao nhận thức của bản thân cả về mặt lý luận cũng như thực tiễn về du lịch cộng đồng và tài nguyên du lịch tại khu du lịch. Muốn vậy phải tổ chức nghiên cứu, tìm hiểu vấn đề một cách nghiêm túc, toàn diện.

- Qua việc tìm hiểu nghiên cứu sẽ cung cấp nguồn tư liệu nhỏ cho những ai quan tâm đến nội dung của đề tài.

- Góp phần đưa ra giải pháp phát triển du lịch ở Tam Cốc – Bích Động, Ninh Bình có thể tham khảo hoặc ứng dụng.

b. Nhiệm vụ:

- Tổng quan về cơ sở lý luận, tìm hiểu nghiên cứu để áp dụng vào thực tiễn phát triển du lịch cộng đồng tại khu du lịch Tam Cốc – Bích Động.

- Nghiên cứu, đánh giá các nguồn lực để phát triển du lịch cộng đồng tại đây.

- Đánh giá khả năng phát triển du lịch cộng đồng và đưa ra một số giải pháp nhằm thu hút cộng đồng địa phương tham gia vào hoạt động du lịch. Khôi phục và bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống, phát triển du lịch một cách bền vững.

3. Quan điểm, phương pháp nghiên cứu

a. Quan điểm:

- *Quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử:*

Nghiên cứu tất cả thực trạng nguồn lực phát triển du lịch cũng như lý luận trong sự vận động phát triển của chính ngành du lịch và các ngành khoa học nói chung trong mối quan hệ biện chứng theo quy luật khách quan.

- *Phát triển du lịch bền vững:*

Nghiên cứu phát triển du lịch, đặc biệt là DLCĐ, cần đáp ứng nhu cầu của thể hệ hiện tại nhưng không làm tổn hại đến thể hệ tương lai, đảm bảo được các mục tiêu, nguyên tắc phát triển bền vững.

Vận dụng cơ sở lý luận phát triển du lịch bền vững trong quá trình nghiên cứu đề tài.

- *Lãnh thổ tổng hợp – chuyên môn hóa:*

Mỗi lãnh thổ du lịch thường có nhiều nguồn lực để phát triển du lịch. Nhưng đồng thời mỗi địa phương, hoặc mỗi hệ thống lãnh thổ du lịch cũng có những nguồn lực phong phú, đặc sắc là thế mạnh để phát triển du lịch riêng. Vì vậy cần phải nghiên cứu để có được các dự án, giải pháp, chiến lược, vừa phát huy được thế mạnh tổng hợp các nguồn lực để tạo ra nhiều

sản phẩm du lịch. Đồng thời cũng cần ưu tiên đầu tư phát triển những loại hình du lịch mang tính chuyên biệt, mũi nhọn của hệ thống lãnh thổ du lịch cũng như mỗi địa phương để tạo ra sức cạnh tranh.

- Quan điểm kế thừa:

Du lịch là một ngành tổng hợp có quan hệ với nhiều ngành khác như: kinh tế, môi trường, địa lý... Vì vậy trong quá trình phát triển du lịch, để tiết kiệm thời gian, công sức và tài chính, cần kế thừa các công trình nghiên cứu, các dự án quy hoạch, kế hoạch phát triển du lịch và các công trình khoa học có liên quan.

b. Phương pháp nghiên cứu:

- Phương pháp khảo sát thực địa và thu thập tài liệu:

Để hoàn thành Khóa luận, sinh viên đã thực hiện các cuộc khảo sát, thu thập tài liệu, đi theo tour Tam Cốc – Bích Động, khảo sát tại làng nghề của xã Ninh Hải.

- Phương pháp điều tra xã hội học:

Trong quá trình nghiên cứu, sinh viên đã sử dụng các phương pháp điều tra sau:

+ Phỏng vấn trực tiếp các cơ quan có thẩm quyền, các công ty du lịch, UBND xã, Ban quản lý và một số hộ dân trong vùng.

+ Phỏng vấn bằng bảng hỏi.

- Phương pháp thống kê, lập bảng, xử lý tổng hợp các thông tin, số liệu:

Tìm các thông tin, số liệu tại các cơ sở như Sở Du lịch Ninh Bình, Công ty du lịch, UBND xã huyện.... sau đó tiến hành chọn lọc, sắp xếp thứ tự sử dụng các thông tin cần thiết.

- Phương pháp bản đồ, ảnh minh họa:

Thể hiện một cách trực quan những đặc điểm và sự phân bố không gian theo lãnh thổ, tài nguyên được nghiên cứu, xác định được tour, tuyến.

4. Kết cấu đề tài

Gồm 3 chương chính:

Chương 1: *Tổng quan về lý luận du lịch cộng đồng.*

Chương 2: *Nguồn lực và thực trạng hoạt động du lịch cộng đồng tại Tam Cốc – Bích Động.*

Chương 3: *Một số định hướng và giải pháp thúc đẩy phát triển du lịch cộng đồng tại khu du lịch Tam Cốc – Bích Động.*

CHƯƠNG 1:

TỔNG QUAN VỀ LÝ LUẬN DU LỊCH CỘNG ĐỒNG

1.1. KHÁI NIỆM CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

- Theo Nguyễn Hữu Nhân: Cộng đồng địa phương là những cộng đồng được gọi tên như đơn vị làng, bản, xã, huyện...những người chung về lý tưởng xã hội, lứa tuổi, giới tính, thân phận xã hội. Khái niệm cộng đồng có hai nghĩa:

+ Là một nhóm dân cư cùng sinh sống trong một địa cực nhất định, có cùng giá trị và tổ chức xã hội cơ bản.

+ Là một nhóm dân cư có cùng mối quan tâm.

Như vậy, cộng đồng địa phương được hiểu là một nhóm dân cư cùng sinh sống trên một lãnh thổ nhất định qua nhiều thế hệ và có những đặc điểm chung về sinh hoạt văn hóa truyền thống, sử dụng các nguồn tài nguyên và môi trường, cùng các mối quan hệ kinh tế xã hội, có sự gắn kết về huyết thống và tình cảm, có sự chia sẻ về nguồn lợi và trách nhiệm cộng đồng.

- Cộng đồng địa phương tại các khu du lịch là đối tượng nghiên cứu và tham gia hoạt động du lịch và bảo tồn có những đặc điểm:

+ Cộng đồng địa phương là những nhóm người định cư trên cùng lãnh thổ nhất định. Mỗi vùng lãnh thổ nhất định sẽ có những điều kiện tài nguyên môi trường tự nhiên khác nhau, đó là yếu tố quan trọng để hình thành, nuôi dưỡng và phát triển những giá trị văn hóa và kinh tế ... Vì vậy, mỗi cộng đồng thường có những giá trị văn hóa và hoạt động kinh tế khác nhau.

+ Có quan hệ gắn kết về tình cảm, mang tính huyết thống, thân thiện, giúp đỡ, chia sẻ.

+ Có quyền lợi và trách nhiệm, có đặc điểm chung về sở hữu, sử dụng và bảo vệ tài nguyên môi trường.

+ Tính cộng đồng bền vững được khẳng định qua thời gian, chính thời gian là yếu tố gắn kết các thành viên cộng đồng để cùng nhau tạo ra các giá trị văn hóa đặc sắc cho cộng đồng.

+ Những đặc điểm chung về hoạt động văn hóa truyền thống, có những giá trị được tập thể coi là khuôn mẫu văn hóa sinh hoạt cộng đồng.

+ Mỗi cộng đồng có những tổ chức quy ước xã hội, kiểu “Phép vua thua lệ làng”.

1.2. KHÁI NIỆM DU LỊCH CỘNG ĐỒNG

Theo Từ điển bách khoa Việt Nam, cộng đồng được hiểu là “một tập đoàn người rộng lớn có những dấu hiệu, những đặc điểm xã hội nói chung về thành phần giai cấp, về nghề nghiệp, về địa bàn cư trú. Cũng có những cộng đồng xã hội bao gồm một dòng giống, một sắc tộc, một dân tộc”. Như vậy khi nói đến cộng đồng xã hội bao gồm mang tính phổ quát nổi bật: Kinh tế, địa lý, ngôn ngữ, văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo và lối sống.

Thuật ngữ du lịch cộng đồng xuất phát từ hình thức du lịch làng bản ngay từ những năm 1970 ở các nước thuộc khu vực châu Âu, châu Mỹ và châu Úc. Mục đích khái niệm này đầu tiên do du khách đưa ra. Khách du lịch tham quan các làng bản, tìm hiểu về đời sống sinh hoạt, phong tục, tập quán, khám phá hệ sinh thái của vùng núi non, các cuộc du ngoạn này thường được tổ chức tại các vùng rừng núi. Phần lớn còn mang tính chất hoang dã, địa hình hiểm trở, nhưng lại rất thưa dân cư, các điều kiện đi lại, sinh hoạt gặp rất nhiều khó khăn. Những lúc như vậy, du khách cần tới sự giúp đỡ của những người dân bản địa như: Dẫn đường khỏi bị lạc, nơi nghỉ qua đêm ... Khách du lịch thường gọi những chuyến đi đó là những chuyến

đi có sự hỗ trợ của người dân địa phương. Đây chính là tiền đề cho sự phát triển các loại hình DLCĐ như hiện nay. DLCĐ chính thức được hình thành và phát triển mạnh mẽ tại các nước Châu Phi, Châu Âu, Châu Mỹ, Châu Úc những năm 80 – 90 của thế kỷ trước. Sau đó lan rộng sang khu vực châu Á trong đó có các nước khu vực ASEAN như Ấn Độ, Philippin, Thái Lan, Việt Nam ...

Ngày nay, DLCĐ được hiểu là cộng đồng địa phương tham gia vào các hoạt động kinh doanh mang tính tự phát tại những nơi có tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn hấp dẫn, các tuyến, điểm du lịch sẵn có của địa phương chứ chưa chú trọng tới quyền lợi cộng đồng địa phương và thu hút họ tham gia vào hoạt động du lịch. Trong nhiều trường hợp quyền lợi của các bên tham gia du lịch xấu đi và làm giảm sức hấp dẫn cho du khách.

Đến nay một số nhà nghiên cứu đã đưa ra các khái niệm cho thuật ngữ DLCĐ.

Theo quỹ bảo tồn thiên nhiên thế giới WNF: “ DLCĐ là loại hình du lịch mà ở đó cộng đồng địa phương có sự khảo sát và tham gia chủ yếu và sự phát triển và quản lý hoạt động du lịch và phần lớn lợi nhuận thu được từ hoạt động du lịch cho cộng đồng ” nguồn (Aigul, Shadanbekova, Marketing Specialist, Commuty – based tourism guidebook, 2004).

Năm 1997, Tổ chức du lịch Thái Lan “ Responsible Ecological Social tour” - một tổ chức du lịch chịu trách nhiệm về du lịch sinh thái – xã hội đã đưa ra khái niệm: “DLCĐ là phương thức tổ chức du lịch đề cao sự bền vững về môi trường và văn hóa xã hội. DLCĐ do cộng đồng sở hữu quản lý tài nguyên các hoạt động du lịch. Vì sự phát triển của cộng đồng và cho phép du khách nâng cao nhận thức cũng như học hỏi từ cộng đồng về những giá trị văn hóa, cuộc sống đời thường của họ ”.

Đối với Việt Nam, vấn đề phát triển du lịch cộng đồng lần đầu tiên được đưa ra tại “Hội thảo chia sẻ bài học kinh nghiệm phát triển DLCĐ Việt Nam – 2003”. Hội thảo được tổ chức tại Hà Nội, các chuyên gia trong và ngoài nước đã thảo luận các vấn đề cơ bản về loại hình DLCĐ tại Việt Nam. Theo đó Viện nghiên cứu phát triển miền núi đã đưa ra khái niệm về DLCĐ như sau: “DLCĐ là nhằm bảo tồn tài nguyên du lịch tại điểm đón khách. Vì sự phát triển du lịch bền vững dài hạn, DLCĐ khuyến khích sự tham gia cộng đồng địa phương trong du lịch và có cơ chế tạo các cơ hội cho cộng đồng. DLCĐ là một quá trình tương tác giữa cộng đồng và khách du lịch mà sự tham gia có ý nghĩa của cả hai phía, mang lại lợi ích, bảo tồn cho cộng đồng địa phương.” Như vậy DLCĐ nhấn mạnh đến tính tự chủ, vai trò chủ thể tham gia hoạt động du lịch là cộng đồng địa phương. Khái niệm DLCĐ không đồng nghĩa với du lịch sinh thái. DLCĐ nhấn mạnh đến chủ thể tham gia vào quy hoạch quản lý, quyết định các vấn đề phát triển du lịch, bảo vệ, khai thác tài nguyên và hưởng từ hoạt động du lịch là cộng đồng địa phương. Trong khi đó du lịch sinh thái nhấn mạnh đến quản lý khai thác, bảo tồn tài nguyên có trách nhiệm nhưng không rõ chủ sở hữu tài nguyên du lịch, cộng đồng địa phương được tham gia vào các hoạt động du lịch nhưng không được trực tiếp quyết định phát triển du lịch, tham gia một cách bị động, cộng đồng địa phương chỉ được chia sẻ lợi ích từ hoạt động du lịch.

1.3. VAI TRÒ VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA LOẠI HÌNH DU LỊCH CỘNG ĐỒNG

1.3.1. Vai trò của loại hình du lịch cộng đồng

DLCĐ góp phần bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và văn hóa bao gồm sự đa dạng sinh học, tài nguyên nước, rừng, bản sắc văn hóa... DLCĐ góp phần

phát triển kinh tế địa phương thông qua việc tăng doanh thu và những lợi ích khác cho cộng đồng.

DLCĐ có sự tham gia ngày càng đông đảo và tích cực của cộng đồng địa phương, mang lại cho du khách một sản phẩm du lịch có trách nhiệm đối với môi trường xã hội. Có thể nói DLCĐ mang lại rất nhiều lợi ích về mọi mặt và có vai trò rất lớn đối với nhiều lĩnh vực như: Kinh tế, chính trị, văn hóa, an ninh quốc phòng, tài nguyên môi trường của quốc gia, khu vực và chính bản thân cộng đồng.

- Đối với công tác bảo tồn tài nguyên:

+ Góp phần bảo vệ vững chắc tài nguyên tự nhiên, môi trường sinh thái.

+ Bảo tồn và phát huy các giá trị bản sắc văn hóa vật thể và phi vật thể của cộng đồng.

- Đối với du lịch:

+ Tạo ra sự đa dạng trong sản phẩm du lịch của một vùng, một quốc gia.

+ Góp phần thu hút khách du lịch.

+ Góp phần bảo vệ tài nguyên thiên nhiên nói chung và tài nguyên du lịch nói riêng.

- Đối với cộng đồng:

Mang lại lợi ích kinh tế cho các thành viên trực tiếp tham gia cung cấp dịch vụ cho du khách. Đồng thời những thành viên khác của cộng đồng cũng được hưởng lợi ích từ sự tái đầu tư của nguồn doanh thu du lịch vào việc hỗ trợ, nâng cấp và phát triển cơ sở hạ tầng xã hội, góp phần thay đổi kinh tế xã hội của địa phương.

Như vậy có thể khẳng định việc phát triển DLCĐ có một ý nghĩa rất lớn đối với mọi mặt của xã hội. Tất nhiên bên cạnh những lợi ích đó nó cũng gây ra một số tác hại, ảnh hưởng xấu đối với cộng đồng địa phương và tài nguyên du lịch địa phương. Nhưng dù sao chúng ta không thể phủ nhận tầm quan trọng đặc biệt của phát triển DLCĐ trên nhiều khía cạnh.

1.3.2. Đặc điểm của loại hình du lịch cộng đồng

DLCĐ là một loại hình du lịch rất mới mẻ. Ở Việt Nam loại hình du lịch này rất được quan tâm và chú ý phát triển trong những năm gần đây. DLCĐ được coi là hướng đi tốt ở Việt Nam, đặc biệt là ở vùng nông thôn, vùng núi, nơi có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn thì hoạt động du lịch sẽ từng bước cải thiện cuộc sống, tạo sinh kế mới, tạo thêm công ăn việc làm cho nhân dân. Từ đó có thể nhận thức một số đặc điểm của DLCĐ như sau:

DLCĐ là một loại hình du lịch mới khác với các loại hình du lịch khác bởi cộng đồng dân cư là những người được tham gia ngay từ đầu, từ khâu nghiên cứu, lập kế hoạch phát triển, triển khai các hoạt động kinh doanh du lịch, cung cấp các sản phẩm du lịch dịch vụ cho khách du lịch. Họ giữ vai trò chủ đạo phát triển và duy trì các dịch vụ. Hoạt động này tính đến hiệu quả và sự điều tiết của các quy luật kinh tế thị trường.

Địa điểm tổ chức phát triển du lịch dựa vào du lịch cộng đồng diễn ra tại nơi cư trú hoặc gần nơi cư trú của cộng đồng địa phương. Đây là những khu vực có tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn phong phú, hấp dẫn có độ nhạy cảm về đa dạng sinh học, chính trị, văn hóa, xã hội và đang bị tác động của con người.

Cộng đồng dân cư phải là người sinh sống và làm việc trong hoặc liên hệ các điểm tài nguyên du lịch. Đồng thời cộng đồng phải có trách nhiệm

tham gia bảo vệ tài nguyên môi trường nhằm hạn chế tác động tiêu cực chính từ việc khai thác tài nguyên du lịch của cộng đồng và hoạt động của du khách.

DLCĐ đóng vai trò quan trọng trong công cuộc xóa đói giảm nghèo. Điều này được thể hiện ở việc DLCĐ có tác động tích cực đối với việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế, ngành nghề và lao động. Trước khi tham gia DLCĐ người dân chủ yếu sinh sống trong điều kiện kinh tế tự cung tự cấp, nghề chính của họ là sản xuất nông nghiệp.

Khi DLCĐ phát triển người dân có điều kiện và các ngành nghề kinh truyền thống được duy trì và phát triển trở thành sản phẩm du lịch độc đáo. Từ đó việc tiêu thụ những sản phẩm tại chỗ được dễ dàng hơn. Thu nhập từ dịch vụ cho thuê phòng, bán hàng, chở khách, biểu diễn văn nghệ... giúp cải thiện cuộc sống của nhân dân. Cùng với cơ cấu ngành nghề lao động cũng có sự thay đổi, hình thành các công việc mang tính du lịch mới.

DLCĐ là hoạt động thu hút cộng đồng địa phương tham gia vào hoạt động du lịch và được hưởng lợi từ hoạt động này nên đây là loại hình có tính chuyên môn thấp. Cộng đồng địa phương mời tham gia vào hoạt động du lịch nên chuyên môn nghiệp vụ và trình độ ngoại ngữ còn hạn chế, gặp khó khăn trong việc giao tiếp và hướng dẫn khách nước ngoài.

Đặc điểm lớn nhất của DLCĐ là người tổ chức du lịch và cư dân bản địa khai thác cái sẵn có của cộng đồng địa phương để kinh doanh du lịch.

Phát triển DLCĐ phải đảm bảo sự công bằng trong phân chia quyền lợi từ thu nhập du lịch cho các bên tham gia.

Phát triển DLCĐ góp phần làm đa dạng hóa các ngành nghề kinh tế, trong khi vẫn duy trì và phát triển các ngành kinh tế truyền thống.

DLCĐ còn bao gồm yếu tố trợ giúp, tạo điều kiện các bên tham gia trong đó vai trò của các tổ chức chính phủ, phi chính phủ, các cấp quản lý nhà nước ...

1.4. CÁC NGUYÊN TẮC CƠ BẢN CỦA DU LỊCH CỘNG ĐỒNG

Các loại hình du lịch dựa vào cộng đồng thực chất là các loại hình phát triển du lịch bền vững có trách nhiệm với tài nguyên môi trường cũng như phát triển của cộng đồng. Chủ thể của các hoạt động du lịch và nguồn lợi từ các hoạt động này là hướng vào cộng đồng. Vì vậy khi phát triển DLCĐ cần thực hiện các nguyên tắc sau :

DLCĐ phải đặt lợi ích của người dân lên trên. Đây là một trong những nguyên tắc cơ bản tạo ra sự khác biệt giữa du lịch cộng đồng với các loại hình du lịch khác. Dân địa phương là những người trực tiếp sống trên địa bàn du lịch cộng đồng và họ cũng chính là người trực tiếp thấy được sự biến đổi (tăng hay giảm) của hệ sinh thái, môi trường, văn hóa của khu vực. Các hệ sinh thái, môi trường, văn hóa có được bảo tồn, duy trì hay không hoàn toàn phụ thuộc vào ý thức của người dân nơi đây.

Chính vì thế đây là nguyên tắc rất quan trọng, du lịch sinh thái cộng đồng cần đặt lợi ích của những người dân lên trên, khuyến khích người dân tham gia vào các hoạt động du lịch và chia sẻ lợi ích từ các hoạt động cho thuê nhà nghỉ, làm hướng dẫn viên du lịch, sản xuất các mặt hàng nông sản, hàng thủ công mỹ nghệ truyền thống ... Kết quả là đời sống của người dân ít phụ thuộc vào khai thác tự nhiên, đồng thời họ sẽ thấy được lợi ích của việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, phát triển du lịch sinh thái cộng đồng .

- Bảo vệ môi trường: môi trường sinh thái tự nhiên và môi trường sinh thái nhân văn.

Du lịch nói chung và du lịch sinh thái trên cơ sở cộng đồng nói riêng có ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường và hệ sinh thái khu vực. Các tác động tiêu cực của DLCĐ sẽ làm thay đổi và biến đổi đời sống của cộng đồng. Đây là môi trường bị tổn thương bởi áp lực phát triển du lịch đây chính là nguyên nhân làm biến đổi và thay đổi môi trường sinh thái tự nhiên và môi trường sinh thái nhân văn xung quanh khu vực của cộng đồng. Với các loại hình du lịch khác nhau thì vấn đề bảo vệ môi trường và duy trì môi trường sinh thái chưa phải là vấn đề ưu tiên hàng đầu thì ngược lại DLCĐ coi đây là nguyên tắc cơ bản cần tuân thủ, có như vậy thì môi trường sinh thái tự nhiên và nhân văn được bảo tồn và phát triển.

DLCĐ cần thực hiện nguyên tắc thừa nhận, ủng hộ và thúc đẩy mối quan hệ hữu cơ cộng đồng về du lịch. Thường xuyên lấy ý kiến tham gia của các bên tham gia, tôn trọng ý kiến của cộng đồng, bảo đảm những kiến nghị của cộng đồng được chuyển đến những người có trách nhiệm xem xét và giải quyết.

Ngay từ đầu DLCĐ nên thu hút, khuyến khích sự tham gia của cộng đồng vào tất cả các lĩnh vực hoạt động du lịch và bảo tồn, coi phát triển du lịch như là một công cụ giúp cộng đồng sử dụng để phát triển trong khi vẫn duy trì sự đa dạng kinh tế không làm giảm các ngành nghề truyền thống.

Để phát triển du lịch cộng đồng cần thường xuyên hỗ trợ địa phương trong hoạt động du lịch và phát triển kinh tế - xã hội đồng thời tăng cường giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực địa phương để phục vụ du lịch.

Cần phân chia lợi nhuận một cách công bằng giữa cá nhân, tổ chức tham gia vào hoạt động DLCĐ.

Thúc đẩy niềm tự hào của cộng đồng bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa đồng thời tăng cường giao lưu văn hóa truyền thống.

DLCĐ cần tôn trọng giá trị văn hóa và phương cách sống của con người nơi diễn ra hoạt động DLCĐ.

Khai thác tiềm năng du lịch của địa phương nhưng phải đảm bảo phát triển bền vững, không làm hại lợi ích của các thế hệ kế tiếp. Phát triển bền vững các nguồn tài nguyên là sự phát triển trên cơ sở bảo đảm cho các tài nguyên có thể tái tạo và phục hồi. Phát triển lâu dài và bền vững cần tính đến việc sử dụng nguồn tài nguyên tự nhiên và nguồn tài nguyên nhân văn hiện có để phục vụ nhu cầu du khách.

1.5. VAI TRÒ CỦA CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG TRONG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH

1.5.1. Vai trò của cộng đồng địa phương trong việc bảo tồn, phát huy các giá trị của tài nguyên du lịch, hoạt động du lịch

Người dân địa phương sẽ tăng thêm lòng tự hào về những giá trị truyền thống, tích cực tham gia trong việc đóng góp tiền của, công sức để khôi phục bảo tồn và nuôi dưỡng nó trước nguy cơ bị pha tạp, mai một bởi các giá trị văn hóa đến từ nền văn hóa mạnh.

Khi người dân tham gia vào hoạt động du lịch sẽ tạo cho họ nghề nghiệp mới, phương thức sống mới, có thêm nguồn thu nhập mới sẽ làm giảm sức ép của họ tới việc khai thác tự nhiên một cách bừa bãi.

Nhận thức của cộng đồng thông qua giáo dục, tập huấn về du lịch, môi trường nhận thức của người dân được tiếp xúc với du khách nâng cao, họ sẽ năng động hơn, có nhiều kỹ năng tổ chức cuộc sống, lao động sản xuất, chất lượng cuộc sống của họ được cải thiện, cũng sẽ giảm đi lối sống dựa vào tự nhiên.

Nhờ vậy mục tiêu bảo tồn và khai thác tài nguyên du lịch hợp lý sẽ được thực hiện. Ngược lại thông qua hoạt động du lịch và được hưởng lợi từ

hoạt động này. Chất lượng cuộc sống của người dân sẽ được cải thiện sẽ giúp cho mục tiêu xóa đói giảm nghèo thực hiện được tốt hơn.

1.5.2. Vai trò của cộng đồng đối với việc giảm giá các sản phẩm du lịch

Với giá nhân công rẻ sẽ giúp cho việc giảm giá các sản phẩm du lịch nói chung, cũng như giá tour du lịch đã tạo được sức hấp dẫn du khách tại các địa phương phát triển du lịch cộng đồng. Dân số đông và tăng nhanh tạo ra nguồn lao động trẻ, tiềm năng song lại lao động trong các ngành nghề kinh tế truyền thống, hiệu quả kinh tế thấp. Đây chính là đặc điểm của cộng đồng địa phương. Do vậy khi người dân tham gia vào các hoạt động du lịch, họ chỉ thường mong lấy công làm lãi, tận dụng nhà ở cũng như các thiết bị, điều kiện sống sẵn có của gia đình họ để có thể kiếm thêm thu nhập cho nên không đòi hỏi mức thù lao quá cao. Do vậy các sản phẩm du lịch mà họ cung ứng thường rẻ hơn so với giá trị thực của nó.

Vai trò của cộng đồng địa phương trong việc đa dạng hóa, nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch và hạ giá thành sản phẩm du lịch: Yêu cầu trong kinh doanh du lịch là cần tạo ra sức hấp dẫn du khách. Khi người dân tham gia vào hoạt động du lịch, tài nguyên du lịch được bảo tồn và làm phong phú thêm các sản phẩm du lịch. Do vậy những sản phẩm du lịch mà cộng đồng địa phương cung cấp cho du khách mang tính mới lạ, đặc sắc. Vì các sản phẩm du lịch do cộng đồng địa phương tạo ra có chứa đựng những phẩm chất tốt đẹp của các tộc người thiểu số, với nghệ thuật sản xuất độc đáo, chúng đặc biệt thu hút đối với tập khách ở các nước phát triển.

Khi cộng đồng tham gia vào hoạt động du lịch sẽ tạo ra sự đa dạng các loại hình du lịch, tạo thêm điểm đến. Trong kinh doanh du lịch, mức độ

tập trung du lịch ngày càng cao, tài nguyên du lịch phong phú hấp dẫn sẽ càng tạo ra sức thu hút đối với du khách.

Vai trò của cộng đồng địa phương trong việc tạo ra môi trường du lịch hấp dẫn du khách. Khi tham gia vào hoạt động du lịch người dân có thêm việc làm, được giáo dục, tập huấn nâng cao nhận thức về du lịch, chuyên môn nghiệp vụ. Thông qua giáo dục, đào tạo và thông qua quá trình tham gia phục vụ du khách cùng với nguồn lợi được hưởng từ hoạt động du lịch, nhận thức về môi trường nói chung cũng như nhận thức về môi trường du lịch nói riêng ngày càng được nâng cao hơn. Từ đó người dân sẽ ý thức được sự cần thiết phải tạo ra và giữ gìn môi trường du lịch có chất lượng tốt cả về vệ sinh môi trường cũng như môi trường văn hóa. Để hấp dẫn du khách và tốt cho môi trường sống của họ.

Sự tham gia của cộng đồng vào hoạt động du lịch sẽ giúp chuyển đổi cơ cấu ngành nghề, nhưng vẫn duy trì được ngành nghề truyền thống, ly nông nhưng không ly hương, hạn chế việc suy giảm dân số, di dân tự do, kinh tế phát triển, kết cấu hạ tầng được cải thiện. Từ đó tạo ra môi trường du lịch tốt hơn.

Sự tham gia của cộng đồng vào hoạt động du lịch sẽ thúc đẩy quá trình phát triển cộng đồng, góp phần nâng cao chất lượng cộng đồng, nâng cao dân trí, giảm tỷ lệ sinh, ổn định quy mô dân số. Thực hiện các chiến lược phát triển kinh tế và dân số có hiệu quả. Đây cũng là những nhân tố quan trọng hàng đầu giúp cho du lịch cộng đồng thành công.

Tuy nhiên trong quá trình tham gia vào hoạt động phát triển du lịch cộng đồng không phải lúc nào cũng diễn ra như kế hoạch đã lập và mong muốn. Do trong số những người dân, bên cạnh những người tốt, cởi mở, thân thiện năng động dễ thích ứng, có một số người do vô tình hoặc cố ý phá

ngang, thiếu ý thức, bảo thủ, lạc hậu, chậm đổi mới, không hiểu những tác động tiêu cực từ hoạt động du lịch sẽ mang lại, hậu quả mà họ gây ra đối với du khách và cộng đồng.

Vì vậy những người tổ chức lập kế hoạch phát triển du lịch cộng đồng phải có những khảo sát, nghiên cứu kỹ lưỡng, có những giải pháp hợp lý, khoa học, khéo léo gần gũi với người dân, phát hiện ra những tâm tư nguyện vọng của họ những ưu điểm cũng như những hạn chế của họ ...

1.6. CÁC BÊN THAM GIA DLCD

- **Cộng đồng địa phương:** Là nhân tố chính hình thành và nuôi dưỡng, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa bản địa như: Nghệ thuật kiến trúc trang trí nhà cửa, nghệ thuật sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, nghệ thuật ẩm thực, lễ hội, văn hóa dân gian ... Đây được coi là nguồn tài nguyên đặc biệt hấp dẫn du khách.

Bên cạnh đó cộng đồng địa phương còn là người sản xuất nông phẩm cung cấp cho khách du lịch. Đồng thời họ tham gia các hoạt động du lịch tạo sản phẩm du lịch phục vụ du khách và hưởng lợi từ hoạt động du lịch.

- **Chính quyền địa phương:** Là người được cộng đồng tin nhiệm và đại diện cho cộng đồng. Họ là người lãnh đạo có vai trò tổ chức, quản lý, tăng cường sức mạnh đoàn kết tập thể của cộng đồng, đặc biệt phát huy vai trò, thế mạnh tiềm năng của cộng đồng trong mọi hoạt động kinh tế, xã hội, văn hóa của cộng đồng.

- **Các tổ chức cá nhân tài trợ, các tổ chức thuộc Chính phủ và phi Chính phủ, các nhà khoa học:** Là những nhân tố hỗ trợ cộng đồng về việc lập dự án quy hoạch phát triển du lịch, vốn, kỹ thuật, kinh nghiệm và cơ chế chính sách để phát triển du lịch cộng đồng. Các tổ chức này là những người chỉ đường dẫn lối tạo xung lực giúp cộng đồng thực hiện các mục tiêu phát

triển du lịch trong giai đoạn đầu tiên, tiến hành nghiên cứu về hoạt động DLCĐ để bổ sung điều chỉnh kế hoạch phát triển du lịch.

- **Các doanh nghiệp kinh doanh lữ hành và dịch vụ du lịch:** Là cầu nối giữa khách du lịch và cộng đồng, là những người giữ vai trò môi giới trung gian để bán sản phẩm du lịch cho cộng đồng và cung cấp một phần sản phẩm mà cộng đồng chưa cung ứng đủ, đảm bảo cho sự đa dạng và chất lượng cho sản phẩm du lịch. Họ có thể sử dụng lao động là người địa phương góp phần tạo công ăn việc làm và thu nhập cho cư dân bản địa. Bên cạnh đó họ còn góp phần chia lợi ích từ du lịch cho cộng đồng bằng việc đóng thuế, phí môi trường, mua vé thắng cảnh cho cộng đồng.

- **Khách du lịch:** Là yếu tố cầu du lịch. Đặc điểm của các tập khách mua các sản phẩm DLCĐ là khách hướng ngoại ưa mạo hiểm, thích khám phá. Họ là người có trách nhiệm với môi trường và xóa đói giảm nghèo.

1.7. XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN DLCĐ TRÊN THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM HIỆN NAY

Hiện nay du lịch là một ngành mà tất cả các quốc gia trên thế giới đều chú trọng đầu tư phát triển vì lợi ích du lịch, nó mang lại công ăn việc làm góp phần tăng thu nhập cho người lao động, tăng ngân sách cho địa phương, quốc gia có tài nguyên du lịch. Đồng thời du lịch là một ngành có liên quan đến nhiều lĩnh vực, nhiều ngành, tổ chức và có sự tham gia đông đảo của nhiều tổ chức cộng đồng dân cư. Ở một số nước đã chứng minh rằng khi du lịch có sự tham gia của cộng đồng đã góp phần không nhỏ vào việc phát triển các dịch vụ cung cấp cho khách du lịch, bảo vệ tài nguyên môi trường hay nói cách khác cộng đồng vừa là đối tượng vừa là chủ thể phát triển du lịch ở các vùng, các quốc gia.

Khi du lịch phát triển, nó trở thành cầu nối văn hóa giữa các quốc gia trên thế giới. Tạo ra khả năng giao lưu, học hỏi, hợp tác giữa các dân tộc, xóa dần khoảng cách biên giới đưa con người xích lại gần nhau hơn vì sự phát triển chung của toàn cầu.

Ngày nay du khách có nhu cầu nâng cao trong việc tìm hiểu thông tin và học hỏi tìm hiểu khi đi du lịch trong nhiều lĩnh vực như kinh tế văn hóa, phong tục tập quán và thông tin giáo dục, môi trường. Du khách muốn tìm hiểu các vấn đề văn hóa xã hội, chính trị, tiếp xúc với người dân địa phương, ẩm thực địa phương, hay dừng chân nghỉ tại các cơ sở lưu trú với người dân địa phương các tác động đến môi trường và trách nhiệm của khách sạn tại điểm đến được khách quan tâm hàng đầu bởi có như vậy khách du lịch mới có cơ hội đi du lịch tại các điểm, khu vực không bị ô nhiễm, nhân văn học độc đáo làm cho chuyến đi có ý nghĩa, khách du lịch cũng thể hiện trách nhiệm cao hơn của mình bởi khả năng chi trả các nỗ lực bảo tồn tài nguyên du lịch tại điểm đến.

Người ta đã thống kê và cho biết 60% khách du lịch Mỹ sẵn sàng đi tour với công ty du lịch bảo vệ văn hóa lịch sử của điểm đến dẫu giá cao hơn 5% -7% khách Mỹ, Anh, Úc sẵn sàng trả tiền thêm cho tới 1.500 USD cho hai lần nghỉ tại khách sạn có chính sách bảo vệ môi trường địa phương. Trong nghiên cứu về dự án hỗ trợ du lịch bền vững tại Sa Pa đã cho thấy khách quốc tế sẵn sàng trả 4 - 5 lần phí tham quan nếu tiền thu được sử dụng cho cộng đồng.

Trên thế giới nhiều mô hình du lịch cộng đồng đã mang lại kết quả cao như mô hình phát triển du lịch cộng đồng tại vườn quốc gia Gunung – Indônêxia, mô hình cộng đồng tại bản Plai Pong Pang – Thái Lan, tại SaBah – Malaixia.

Còn ở Việt Nam mô hình du lịch cộng đồng được bắt đầu nghiên cứu và đưa vào thử nghiệm từ năm 2000 và đến nay. Đã có một số mô hình được nghi nhận mang lại nhiều hiệu quả như mô hình du lịch cộng đồng tại vườn quốc gia Ba Bể, tại khu du lịch Suối Voi, khu du lịch cộng đồng Vân Long – Ninh Bình và Việt Hải - Hải Phòng.

Tiểu kết chương 1

Như vậy có thể hiểu rằng DLCD là nhằm bảo tồn tài nguyên du lịch tại điểm đón khách. Vì sự phát triển du lịch bền vững dài hạn, DLCD khuyến khích sự tham gia cộng đồng địa phương trong du lịch và có cơ chế tạo các cơ hội cho cộng đồng. DLCD là một quá trình tương tác giữa cộng đồng và khách du lịch mà sự tham gia có ý nghĩa của cả hai phía, mang lại lợi ích, bảo tồn cho cộng đồng địa phương. Như vậy DLCD nhấn mạnh đến tính tự chủ, vai trò chủ thể tham gia hoạt động du lịch là cộng đồng địa phương. DLCD nhấn mạnh đến chủ thể tham gia vào quy hoạch quản lý, quyết định các vấn đề phát triển du lịch, bảo vệ, khai thác tài nguyên và hưởng từ hoạt động du lịch là cộng đồng địa phương

Có thể nói hiện nay ngành du lịch thế giới đang phát triển mạnh mẽ và hướng đến mục tiêu phát triển bền vững. DLCD là một trong những loại hình du lịch đang rất được yêu thích và có khả năng phát triển mạnh mẽ. Phát triển du lịch trong giai đoạn hiện nay là phương thức hữu hiệu góp phần thúc đẩy phát triển du lịch một cách bền vững trong tương lai.

Phát triển loại hình du lịch cộng đồng mang lại ý nghĩa to lớn đối với cộng đồng dân cư và kinh tế của địa phương, mang lại rất nhiều những lợi ích về mọi mặt và có vai trò to lớn đối với các vấn đề như kinh tế, chính trị, văn hóa, an ninh quốc phòng... Chính bởi những lợi ích trên mà phát triển du lịch là một điều tất yếu.

Phát triển du lịch cộng đồng góp phần bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của cộng đồng. Tuy nhiên bên cạnh những lợi ích của mình thì nó cũng gây ra một số tác hại đối với cộng đồng và tài nguyên du lịch nói chung. Nhưng dù sao chúng ta

không thể phủ nhận tầm quan trọng đặc biệt của việc phát triển du lịch cộng đồng trên nhiều khía cạnh.

CHƯƠNG 2

NGUỒN LỰC VÀ THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH CỘNG ĐỒNG TẠI KHU DU LỊCH TAM CỐC - BÍCH ĐỘNG

2.1. CÁC NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN DU LỊCH Ở TAM CỐC – BÍCH ĐỘNG

2.1.1. Vị trí địa lý và tài nguyên du lịch tự nhiên

2.1.1.1. Vị trí địa lý

Tam Cốc – Bích Động là một trong hai danh thắng nổi tiếng của khu vực Hoa Lư. Phạm vi giới hạn khu du lịch Tam Cốc – Bích Động được xác định trong quy hoạch khoảng 400ha, thuộc địa phận xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư; một phần thuộc xã Sơn Hà huyện Nho Quan; xã Yên Sơn thị xã Tam Điệp, Ninh Bình. Tam Cốc cách Hà Nội trung tâm kinh tế văn hóa du lịch của cả nước khoảng 100 km; cách thành phố Ninh Bình 7km, lại gần quốc lộ 1A – trục đường giao thông đường bộ, đường sắt của cả nước, có đường quốc lộ 10, đường 21, lại rất gần với các khu du lịch lớn như: Quảng Ninh, Hải Phòng ... Đây là vị trí rất thuận lợi cho phát triển du lịch nói chung và du lịch cộng đồng nói riêng, giúp người dân có thể tham gia vào hoạt động vận chuyên.

2.1.1.2. Địa chất - Địa mạo

Về kiến tạo, khu vực Tam Cốc – Bích Động nằm trong đới Sông Đà. Địa tầng bao gồm các phức hệ đá cacbonat tuổi Cổ sinh chứa hoá thạch San hô, Tay cuộn và Trùng lỗ; các phức hệ trầm tích bờ rời tuổi Đệ tứ. Các dãy núi đá vôi ở đây có độ cao vài chục đến vài trăm mét, phân bố dạng vòng cung, được hình thành do quá trình nâng lên và chia cắt trong chu kỳ tân kiến tạo cách đây chừng 5 triệu năm.

Kiểu địa hình độc đáo của Tam Cốc – Bích Động là kiểu địa hình karst, và được mệnh danh là “Hạ Long cạn” của Việt Nam. Đặc điểm nổi bật của địa hình là các hình thái hùng vĩ, chia cắt mạnh, sườn dốc đứng, lõm chõm tai mèo, nhiều hang động và nhiều ngấn nước biển cổ.

Vì vậy cảnh quan ở đây thật thi vị, là sự kết hợp hài hòa giữa núi, sông, rừng cùng hệ thống hang động rất phong phú về hình thái và chủng loại. Ngoài ra, địa hình Tam Cốc – Bích Động còn nổi tiếng với sự phổ biến của các thung, nơi có sự đa dạng sinh học cao, nằm xen lẫn với các dãy núi rất thuận lợi để phát triển các loại hình du lịch sinh thái như: thung Nắng, thung Hải Nham, thung Một, thung Ao Mép, thung Thầy, thung Hang Vạng...

Bảng 1: Hệ thống hang động tại khu du lịch Tam Cốc – Bích Động

Nguồn: Ban quản lý khu du lịch

STT	Tên hang	Loại hình hang động	Trắc tượng hình thái			Đặc điểm sinh thái		Giá trị với du lịch
			Dài(m)	Rộng(m)	Cao(m)	Ánh sáng	Nước	
1	Động Tiên	Hang thông	83	6	7	Hơi tối	Khô	Rất đẹp
2	Hang Cả	Xuyên thủy	127	20	3	Hơi tối	Nước	Đẹp
3	Hang Hai	Xuyên thủy	60	18	3	Hơi tối	Nước	Đẹp
4	Hang Ba	Xuyên thủy	45	18	3	Hơi tối	Nước	Đẹp

Một số giải pháp thúc đẩy phát triển du lịch cộng đồng tại Khu du lịch
Tam Cốc - Bích Động, Ninh Bình

5	Hang Chùa	Xuyên thủy	135	7	3	Hơi tối	Nước	Rất đẹp
6	Hang Ghé	Xuyên thủy	50	5	3.5	Hơi tối	Nước	Đẹp
7	Hang Bụt	Xuyên thủy	380	20	7	Tối	Khô	Rất đẹp
8	Hang Hiếu	Cụt	70	5	3.5	Tối	Khô	Đẹp
9	Hang Thần	Cụt	100	6	10	Hơi tối	Khô	Đẹp
10	Hang Cá	Thông	150	4	3	Tối	Nước	Rất đẹp
11	Hang Thung	Xuyên thủy	50	15	5	Tối	Nước	Đẹp
12	Hang Thong Thầy	Xuyên thủy	350	6	3	Tối	Nước	Rất đẹp
13	Động Thiên Cung	Xuyên thủy	40	20	60	Hơi tối	Khô	Rất đẹp
14	Hang Dinh	Xuyên thủy	25	5.5	4	Hơi tối	Nước	Rất đẹp
15	Động Tối	Thông	50	15		Tối	Khô	Rất đẹp

Một phần hệ thống hang động này đã được đưa vào khai thác phục vụ du khách từ nhiều năm trước, gần đây tiếp tục được địa phương quan tâm đầu tư nâng cấp dịch vụ và phạm vi thăm quan, đáng chú ý nhất là hang Cả, hang Hai, hang Ba, động Thiên Hương, động Tiên, hang Thung Nắng là những hang động đạt hiệu quả khai thác tốt.

2.1.1.3. Khí hậu

Khu vực này có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh, phù hợp với chế độ hoàn lưu chung của khu vực. Ở vùng này, gió thổi theo hai hướng chủ yếu của 2 mùa: Đông và Hè. Trong mùa đông (từ tháng 9 - 2), hướng gió thịnh hành ở đây là gió mùa đông bắc với tần suất giao động từ 26% - 42%, sau đó hướng tây bắc trong nửa đầu mùa đông với tần suất 10% - 11% và hướng đông nam với tần suất 10% - 16% trong nửa cuối mùa đông.

Vào mùa hè, hướng gió chính là hướng đông nam và nam với tần suất mỗi hướng giao động khoảng 1,8 - 2,0 m/s. Nhìn chung là ít thay đổi trong năm.

Số liệu thống kê của UBND xã Ninh Hải nhiều năm cho thấy lượng mưa trung bình khoảng 140 – 150 ngày mưa /năm. Các tháng ít mưa nhất là tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Số ngày mưa khoảng 4 - 6 ngày /tháng. Các tháng còn lại mưa trên 10 ngày một tháng. Tháng mưa nhiều nhất là tháng 8, số ngày mưa gấp ba lần số ngày mưa của tháng ít mưa. Ở đây vào mùa mưa, mực nước lớn không gây lụt lội mà ngược lại tạo điều kiện tốt hơn cho chuyên chở khách đi thưởng ngoạn cảnh “sơn thủy hữu tình”.

Các hiện tượng thời tiết đặc biệt: Ngoại trừ mưa phùn và mưa bão, trong các tháng còn lại trong năm, cơ chế mưa tại đây chủ yếu là mưa rào và mưa giông. Các kiểu mưa này rất mau tạnh, ít gây trở ngại cho hoạt động du

lich. Các kiểu mưa này cũng đóng vai trò tích cực trong việc làm sạch không khí.

Với khí hậu trên, hoạt động du lịch nói chung và hoạt động chở đò của người dân nơi đây diễn ra liên tục trong năm, không bị gián đoạn do tác động của thời tiết. Đây là điều kiện hết sức thuận lợi cho hoạt động du lịch.

2.1.1.4. Thủy văn

Khu vực này được điều tiết bởi các con sông trong vùng như sông Ngô Đồng, sông Sào Khê, sông Văn...Nên chế độ thủy triều có nhiều lúc biến động. Tuy nhiên, mức độ ảnh hưởng không nhiều do cấu trúc địa hình của các núi đá, các thung và hang động xen kẽ nên tác động của thủy triều đối với việc đi lại của du khách trên các con sông, lạch là không lớn vào mùa lũ. Nhưng hiện tượng bồi của các hệ thống sông ở khu vực này là rất lớn. Vì vậy cần phải thường xuyên nạo vét luồng lạch mới đảm bảo thuận lợi cho hoạt động vận chuyển khách đi tham quan được nhiều điểm trong khu vực.

2.1.1.5. Sinh vật

Thảm thực vật ở Tam Cốc – Bích Động khá đơn giản, chủ yếu là các kiểu thảm thực vật bị tác động mạnh của con người như trảng cây bụi trên đá vôi, trảng có chịu ngập, các quần xã thủy sinh. Ngoài ra còn có một bộ phận thảm cây trồng như cây trồng ở các quần cư lúa nước.

Các thảm thực vật trên kết hợp với địa hình, thủy văn tạo nên phong cảnh đẹp, góp phần quan trọng vào việc đáp ứng nhu cầu của du khách, cung cấp nông sản, cây cảnh tạo môi trường du lịch xanh sạch.

Vài năm trở lại đây, tại khu vực Thung Nham, công ty TNHH Thương mại dịch vụ Doanh Sinh đã tiến hành ngăn đập nước, phục vụ chăn nuôi và trồng trọt, đã xuất hiện hàng ngàn con chim kéo về cư trú, hình

thành nên vườn chim tự nhiên. Một số động vật đã xuất hiện ngay trong khu vực như khỉ đuôi dài, sóc, cá châu vua...Nhiều loại thực vật quý như: Cây Bo, cây dương xỉ đỏ, cây vạc nước, cây lộc vừng, cây vàng anh...Đây là tiềm năng cần được khai thác và sử dụng hợp lý để phục vụ cho nhu cầu phát triển du lịch và tham quan của du khách.

Tam Cốc – Bích Động có phong môi trường sinh thái đa dạng, là tiền đề cho một thế giới sinh vật phong phú. Trong số 577 loài thực vật thống kê được, có 311 loài có thể dùng làm thuốc chữa bệnh. Tài nguyên cây cảnh được ghi nhận được 76 loài, giá trị lớn nhất là Vạn tuế, và các loài thuộc họ Lan.

Động vật thủy sinh trong vùng ngập nước hiện còn tồn tại tương đối phong phú, bao gồm 30 loài động vật nổi, 47 loài động vật đáy. Đặc biệt là Rùa sọc cổ (*Ocadia sinensis*) được coi là quý hiếm.

Đánh giá :

Tam Cốc – Bích Động là một khu du lịch văn hóa lịch sử và thiên nhiên hấp dẫn. Đây là điểm dừng chân của học sinh, sinh viên, nhà nghiên cứu khoa học... Đây cũng là điểm dừng chân để nghỉ ngơi, thư giãn, ngắm những nhũ đá vôi với vẻ trịnh nguyên của nó hoặc đi bộ qua các khu rừng trên núi đá vôi, leo núi, chèo thuyền để hít thở không khí trong lành.

2.1.1.6. Các điểm phong cảnh tự nhiên

- Tam Cốc:

Theo nghĩa Hán Việt, Tam Cốc có nghĩa là ba hang, gồm hang Cả, hang Hai, hang Ba thuộc thôn Văn Lâm, xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư. Du khách đi tham quan Tam Cốc chỉ có một đường duy nhất vào, ra khoảng 3 giờ đồng hồ đi bằng thuyền chèo tay từ bến Văn Lâm (Đình Cúc).

Thuyền đưa du khách đi khoảng 2 km là đến hang Cả. Hang Cả dài 127 m rộng 20m nằm dưới một quả núi lớn vắt ngang qua hai dãy núi bên sông Ngô Đồng. Trên vách đá bên tay phải sát cửa hang có khắc bài thơ chữ Hán và bản dịch của Bồ chính Nam Định là cử nhân Đỗ Kiêm Thiện.

Thuyền trôi 1km nữa là đến hang Hai. Hang Hai cũng nằm dưới quả núi vắt ngang sông Ngô Đồng. Hang dài 60m rộng 18m. Trần hang có nhiều nhũ đá rủ xuống rất đẹp.

Đi khoảng 100m nữa là tới hang Ba. Hang Ba dài 45m rộng 18m. Đây là hang mát nhất vào mùa hè vì hang thấp hơn. Trần hang có ít nhũ đá chủ yếu là những vòm đá được bào nhẵn đến trơn tru.

- Suối Tiên:

Đi qua Tam Cốc khoảng 3 Km nữa là đến Suối Tiên. Đường sông Ngô Đồng tới Suối Tiên uốn lượn ngoằn ngoèo, lách vào các dãy núi đá. Nhìn trước mặt thấy núi chắn ngang, quay lại phía sau cũng thấy núi chắn, hai bên dòng sông đều là các dãy núi trùng trùng điệp điệp khiến ta có cảm giác như không có đường ra mà cũng chẳng có đường vào, xung quanh là đường vòng tròn núi vây hãm.

Trên đường đi suối Tiên, du khách còn được chiêm ngưỡng một ngọn núi cao ngất, đứng độc lập giữa hai dãy núi bên sông Ngô Đồng, đó là núi Bạc Bài. Đi tiếp qua các cánh đồng, thuyền cập bến, du khách đi bộ khoảng vài chục mét nữa là đến suối Tiên. Suối Tiên thực chất là một hang nước hẹp, rộng khoảng 10m². Nước từ trong núi chảy ra, hang nhỏ này có độ sâu trung bình 1m, nước lúc nào cũng trong vắt. Dưới Suối Tiên là một phiến đá to, bằng phẳng rộng 0,1m², có thể đứng tắm được, tương truyền nơi đây xưa kia là nơi tắm của Tiên nên được gọi là suối Tiên.

- Động Tiên:

Động Tiên ở thôn Đam Khê, xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư và còn có một cái tên khác đó là động Móc. Động nằm cách Bích Động 1km, đến động bằng thuyền hoặc đi đường bộ đều được cả.

Động gồm ba hang lớn, rộng cao vời vọi, đường vào động phải đi qua một khe hang nhỏ, mấp mô. Trần hang là những vân đá nhũ rỏ xuống lấp lánh nhiều màu sắc. Nhiều khối nhũ đá từ trần rủ xuống nền, cao hơn chục mét tựa như những rễ cây cổ thụ với các tên gọi như: cây tiên, cây thóc, ông tiên, cô tiên, con voi, con hổ...Xung quanh vách động và trên nền động có nhiều măng đá, nhũ đá. Những nhũ đá này được thiên nhiên chạm trổ một cách công phu, vừa phóng khoáng, vừa tinh tế mà rất sống động.

- Hang Thung Thầy (xuyên thủy động):

Xuyên thủy động nằm dọc theo chiều dài của dãy núi Bích Động. Nơi đây có ba ngôi chùa: Hạ, Trung, Thượng và bên sườn núi lại có xuyên thủy động như một đường ống nước đá khổng lồ uốn lượn từ phía đông sang phía tây, tạo ra thế tụ thủy, âm dương dung hòa là cho chùa Bích Động thêm linh thiêng hơn.

Hang này dài 350m, vào ra khoảng mất 40 phút, bình quân bề rộng của Xuyên thủy động là 6m, chỗ rộng nhất là 15m, chiều cao tính từ mặt nước tới trần hang là 2m.

Trần và vách hang thường phẳng, nhũ đá trong hang rất ít nhưng chỗ nào có nhũ đá thì đều mang hình dáng rất giống: ông tiên, cô tiên, bầu sữa mẹ, kho thóc, kho kim cương, dơi, cá sấu...Thuyền đưa du khách ra khỏi hang, phía trước mặt là cánh đồng Thung Thầy ngập nước, xung quanh núi bao bọc, du khách có thể leo qua chèn đẽ sang chùa Hạ hoặc du khách ngồi thuyền quay trở ra.

- Động Thiên Hương:

Động nằm ở chân núi Đồng Võ, cạnh bên Thánh. Để lên thăm động du khách phải bước lên 30 bậc đá. Đến cửa động lại bước lên cao 1m nữa mới tới nền động. Không gian trong động rộng lớn, cao thăm thẳm như hình rỗng bên trong của một quả chuông đá khổng lồ úp lên. Nhìn động bằng phẳng, rộng 800m², dài 40m, cao 60m. Đứng trên nền động nhìn thấy một khoảng trời... Có lẽ vì vậy mà động có tên là động trời. Trên đỉnh núi có một phiến đá rộng 10m, tương truyền đây là nơi các vị tiên thường chơi cờ.

Nằm trong động là miếu thờ bà Trần thị Dung – vợ vua Lý Huệ Tông dưới triều nhà Lý và sang thời Trần, bà là vợ của Thái sư Trần Thủ Độ. Tương truyền, khi cùng triều đình nhà Trần vào Vũ Lâm lập hành cung, bà đã truyền dạy cho dân cư thôn Văn Lâm nghề thêu ren. Bà được nhân dân ở đây tôn làm bà tổ nghề thêu ren.

Đánh giá chung :

Khu du lịch Tam Cốc – Bích Động là một danh thắng có cảnh quan tự nhiên hùng vĩ, thơ mộng và mang một vẻ đẹp hoang sơ, có sự kết hợp giữa cảnh quan tự nhiên và các di tích lịch sử văn hóa. Đặc biệt là hệ thống hang động độc đáo, có các hệ sinh thái phong phú, núi non trùng điệp xen kẽ với các thung ngập nước, các dòng chảy với các thảm thực vật phủ kín sườn núi và chân núi. Do đó tại đây có thể phát triển nhiều loại hình du lịch dựa vào cộng đồng như: du lịch tham quan, du lịch sinh thái, du lịch leo núi, du lịch văn hóa và các tuyến du khảo đồng quê.

2.1.2. Tài nguyên du lịch nhân văn và điều kiện kinh tế - xã hội:

2.1.2.1. Tài nguyên du lịch nhân văn

Bao gồm hệ thống các đình, chùa, đền, làng nghề, lễ hội, phong tục tập quán, ẩm thực.

❖ Các di tích lịch sử văn hóa :

- Chùa Bích Động:

Chùa Bích Động được xây dựng bên sườn núi Bích Động, thuộc địa phận thôn Đạm Khê, xã Ninh Hải. Tương truyền dưới thời vua Lê Lợi có hai vị hòa thượng pháp danh là Chí Kiên và Chí Thế, một người quê ở Vọng Doanh, một người quê ở Đông Xuyên, hai người kết nghĩa làm anh em, cùng nhau đi khắp nơi trong nước để truyền bá đạo. Khi tới đây thấy phong cảnh đẹp, âm dương thuận mọi bề, họ tiến hành sửa sang động phủ, quyên giáo làm chùa để tu hành.

Ban đầu chùa xây dựng còn rất sơ sài, nương dựa chính vào hang động nên được gọi là chùa động. Về sau này chùa được tu bổ mở mang thêm mới có hình dáng như ngày nay.

Chùa Bích Động là một công trình kiến trúc cổ, xây dựng bằng gỗ lim, mái lợp ngói mũi hài, các góc mái có đầu đao đều cong vút, chùa được xây dựng theo kiểu chữ Tam, ba tòa không liền nhau, tam cấp dọc theo sườn núi Bích Động tạo thành ba ngôi chùa: Chùa Hạ, chùa Trung và chùa Thượng.

Chùa Hạ được xây dựng theo kiểu chữ Đinh. Mái chùa gồm hai tầng tám mái. Ở giữa Tiền đường có treo bức đại tự bằng chữ Hán “Mạo cổ thần thánh”, có nghĩa là dáng dấp ngôi chùa xưa nay thiêng lắm.

Chùa Trung có kiến trúc bán mái phía ngoài, một nửa lộ thiên. Chùa có kiến trúc theo kiểu chữ Đinh, hai tầng mái. Từ gian bên phải trong Tiền đường chùa Trung theo cửa hậu, leo 21 bậc đá là tới động Tối (Bích Động). Ngay cửa động có treo một quả chuông lớn đúc năm 1707 niên hiệu Vĩnh Thụy thứ hai triều Vua Lê Dụ Tông.

Chùa Thượng hay còn gọi là chùa Đông (vì chùa quay hướng Đông). Chùa có hai gian được xây theo kiểu nhà dọc bằng đá phiến, phía trong dựa

vào núi đá. Từ trên chùa Thượng có thể ngắm nhìn được một phần quang cảnh của khu Tam Cốc – Bích Động. Đó là núi Chồng Sách, núi Voi, năm ngọn núi bao quanh chùa Bích Động là “Ngũ nhạc sơn”.

- Đền Thái Vi:

Chức năng chính của đền là để tưởng nhớ đến các vị vua nhà Trần đã lập hành cung Vũ Lâm và sau khi băng hà, nhân dân thôn Văn Lâm đã xây dựng đền Thái Vi trên nền đất cũ mà trước đây vua Trần Thái Tông đã xây am Thái Vi. Gọi là Am Thái Vi vì đó là nơi Hoàng đế nhà Trần xuất gia. Đền Thái Vi được xây dựng theo kiểu “Nội công ngoại quốc”; phía ngoài nghi môn có đặt một đôi ngựa bằng đá xanh nguyên khối; trước đền có giếng ngọc xây bằng đá xanh. Qua nghi môn phía bên phải là gác chuông hai tầng mái song song đối xứng xây theo kiểu “chồng diềm”. Gác chuông có treo một quả chuông đúc từ năm 1689.

Từ sân rồng bước qua theo bậc đá có độ cao 1,2m là tới Ngũ Đại Môn (5 cửa lớn), có 6 cột đá tròn đều được trạm khắc theo lối Long Phượng châu vào chính điện.

Qua 5 cửa lớn là tới 5 gian Bái Đường, ở đây cũng có 6 cột đá vuông trạm khắc nổi Long, Ly, Quy, Phượng, cá chép hóa Rồng. Gian giữa bái đường có treo bức hoành phi lớn, sơn son thiếp vàng có bốn chữ Hán: “Long đức chính cung”.

Trung đường với 5 gian chính điện cũng có 8 cột đá tròn được trạm khắc nổi chủ đề : Cầm, kỳ, thi, họa.

Trong cung khám của chính điện, ở giữa là tượng vua Trần Thánh Tông, bên phải là hoàng hậu Thuận Thiên – vợ vua Trần Thái Tông. Tại đây còn thờ bài vị của vua Trần Nhân Tông, Trần Anh Tông. Như vậy đền Thái Vi là nơi thờ 4 vị vua nhà Trần.

- Chùa Linh Cốc:

Chùa Linh Cốc thuộc địa phận thôn Côi Khê, xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư, cách chùa Bích Động khoảng 500m về phía Đông nam, nằm gần núi chùa Móc.

Hai bên sân chùa là nhà thờ tổ, ba gian đặt tượng Thánh tăng là đức A Nam Đà và đức Bồ Đề Đạt Ma người Ấn Độ. Nhà trai có 5 gian quay hướng Đông Nam. Điện mẫu quay lưng vào sườn núi hướng Tây Nam. Hậu cung là một gian thờ Tam tòa thánh mẫu. Thiêu hương có 5 gian thờ Công đồng Thánh mẫu.

Lên chùa Linh Cốc, du khách qua hồi hướng Nam của điện Mẫu leo lên chừng 83 bậc đá mới tới, chùa ở lưng chừng núi, có độ cao khoảng 30m so với sân. Đây là một chùa động, buồng ngoài của động cao 20m, nền phẳng rộng dung làm tiền đường của chùa, đặt 2 tượng Hộ pháp. Buồng trong của động là một vòm nhỏ ôm trọn lấy Thượng điện của chùa. Trước Thượng điện ở trên cao có 3 chữ Hán lớn “Cốc Linh tự” – chùa Cốc Linh. Trong thượng điện của chùa có đặt nhiều tượng phật.

- Đền Nội Lâm:

Đền nằm trong khu vực suối Tiên, thuộc thôn Văn Lâm, xã Ninh Hải. Sau khi tham quan Tam Cốc xong du khách tiếp tục chèo thuyền vào sâu bên trong khoảng 3 km nữa, sau đó đi qua “Tòa xi bảy mẫu” là tới đền nội Lâm.

Đền nằm gọn trong một hang núi gồm một gian chính và hai gian nhỏ hai bên. Trước đền dưới chân núi là một đầm nước trong xanh rất sâu. Đền thờ thần Quý Minh – theo truyền thuyết là một vị tướng của Vua Hùng.

Các xà ngang, bậc cửa và 12 cột đều được làm bằng đá. Các cột đá đều được làm vuông có kích thước 15cmx15cm, cao gần 2m, đều được chạm

nổi tứ linh, rồng, hoa sen. Đường nét trạm khắc rất tinh tế uyển chuyển mềm mại mà sống động.

Hàng năm, cứ đến ngày mùng 7 tháng Giêng, người dân ở đây lại vào đền thắp hương lễ thần để cầu mong cho một năm đi bắt cá trồng cây trong núi được bình an may mắn gọi là lễ Phát Lát. Ngày lễ giỗ thần hàng năm vào ngày 18-3 âm lịch.

❖ **Các lễ hội:**

- Lễ hội đền Thái Vi:

Từ xa xưa, cứ đến ngày 14-3 âm lịch, lễ hội đền Thái Vi lại được tổ chức. Đây được liệt vào hàng “quốc gia tế lễ”. Lúc đó nhà vua ra lệnh cho các quan trong triều từ Kinh đô về đền Thái Vi tế lễ. Ban tế là các quan trong triều, chủ tế là một vị hoàng thân trong triều do vua chỉ định.

Ngày nay, lễ hội đền Thái Vi trở hội làng được mở từ ngày 14-3 đến 17-3 âm lịch hàng năm. Hình thức tổ chức lễ hội Thái Vi cũng như các lễ hội truyền thống khác. Bao gồm 2 phần : phần Lễ và phần Hội.

Phần Lễ được tiến hành dưới hai hình thức: Rước kiệu và tế. Rước kiệu ở đền Thái Vi không phải chỉ có một đoàn mà nhiều đoàn từ các xã trong huyện Hoa Lư và trong tỉnh.

Ban tế gồm 15- 20 người, gồm một ông chủ tế (thường là người cao tuổi và có uy tín trong làng). Ông chủ tế đọc văn tế ca ngợi công đức của vua Trần.

Phần hội là các trò chơi: múa lân, múa rồng, đánh cờ người, đấu vật, bơi thuyền ngoạn mục...

- Đây là lễ hội truyền thống đặc sắc, quy mô lớn. Tuy nhiên, lễ hội đền Thái Vi hiện nay quy mô đã không còn được như xưa. Việc khai thác những giá trị của lễ hội vào hoạt động du lịch hầu như là chưa có. Việc kết

hợp tham quan phong cảnh tự nhiên với tham dự lễ hội văn hóa truyền thống sẽ tạo ra một sản phẩm du lịch hấp dẫn được du khách.

❖ **Con người:**

Con người nơi đây vốn là những con người thuần nông hiền lành và chất phác luôn mang trong mình tinh thần hiếu khách, giàu truyền thống cách mạng, lại khéo tay hay làm, và đã được ví von như:

“Chẳng thơm cũng thể hoa nhài

Dẫu không thanh lịch cũng người Tràng An”.

❖ **Ẩm thực:**

Tái dê:

Tái dê đã trở thành món ăn đặc sản ở nơi đây. Tam Cốc – Bích Động có nhiều dãy núi đá vôi nên dê thường sinh sống tập trung rất nhiều. Người ra bắt dê về làm lông, thui vàng, mổ ra ướp với lá hương nhu hoặc lá cúc tần khoảng hơn chục phút rồi lọc lấy thịt (để cả da) đem nhúng vào nước sôi cho tái chín, sau đó thái mỏng đều.

Lấy vùng đã rang giã dập, xả thái nhỏ, lá chanh, gừng, ớt tươi thái nhỏ, nước chanh, bột ngọt đổ vào thịt dê đã thái sẵn, tất cả trộn lên tạo thành một hương vị quyền rũ. Đó chính là món tái dê nổi tiếng của địa phương.

Ngoài ra còn có rất nhiều món được chế biến từ thịt dê như: Dê áp chảo, dê nướng, dê quay, dê hấp, tiết canh dê, rượu Ngọc dương ...v.v.

Thịt dê phải ăn kèm với lá sung, quả chuối xanh, khế, lá mơ, và điều quan trọng là phải có tương gừng để chấm. Thịt dê ăn rất mát và bổ dưỡng.

❖ **Làng nghề truyền thống:**

Nơi đây có nhiều làng nghề truyền thống, nhưng nổi bật nhất và có ý nghĩa nhất đối với việc phát triển du lịch đó là nghề thêu ở thôn Văn Lâm xã Ninh Hải. Tương truyền nghề thêu ren truyền thống ở nơi đây là do Linh

Từ Quốc Mẫu Trần Thị Dung khi cùng triều đình nhà Trần vào Vũ Lâm xây dựng hành cung Vũ Lâm vào năm 1258 đã truyền dạy cho nhân dân của thôn. Bà được nhân dân ở đây tôn làm bà tổ của nghề thêu ren. Hiện nay bà được thờ ở động Thiên Hương.

Các sản phẩm thêu ren rất phong phú: Ga trải giường, rèm cửa, gối, khăn bàn, khăn ăn, tranh ảnh v.v... Các mặt hàng này đã có mặt tại các thị trường Nga, Đức, Thụy Sĩ... và rất được ưa chuộng. Đây cũng là những mặt hàng phục vụ cho du khách tham quan du lịch tại các danh lam thắng cảnh của huyện, làm cho các sản phẩm du lịch thêm hấp dẫn.

Văn Lâm có hơn 1200 hộ và 3000 nhân khẩu. Hiện nay, Văn Lâm có tới 100% số hộ là nhân khẩu làm nghề thêu. Từ các cháu nhỏ 7 - 8 tuổi đến các cụ già 70 - 80 tuổi đều có thể cầm kim thêu được.

Theo ông Lê Văn Thiêm – Trưởng thôn Văn Lâm cho biết: Các sản phẩm của nghề thêu ở thôn có tới hàng nghìn mẫu mã các loại. Đối với các hộ gia đình làm nghề đơn lẻ, họ làm ra sản phẩm đem bán cho du khách hoặc mở ki ốt bày bán. Đối với các doanh nghiệp, sản phẩm làm ra chủ yếu đem đi xuất khẩu theo các hợp đồng đã được kí kết với các đối tác nước ngoài. Hiện tại thôn có 7 doanh nghiệp hoạt động nghề thêu. Các doanh nghiệp không chỉ mở xưởng sản xuất tại địa phương mà còn thông qua các hình thức hợp tác: gia công, tổ chức nhiều điểm sản xuất ở địa phương trong và ngoài huyện. Hướng đi này không chỉ nhằm đảm bảo tiến độ thời gian số lượng hàng cho khách mà còn giải quyết công ăn việc làm cho nhân dân các địa phương trong thời điểm nông nhàn.

Trong năm 2007 và năm 2008 nhiều doanh nghiệp thêu ăn nên làm ra, đạt doanh thu cao như doanh nghiệp Pataco đạt trên 3 tỷ đồng... Với các gia

đình làm hàng đơn lẻ thu từ nghề thêu cũng đạt 20 - 30000 đồng/người/ngày. Tổng giá trị từ nghề thêu ước tính đạt trên 14 tỷ đồng.

Làng nghề thêu truyền thống Văn Lâm được tỉnh công nhận vào năm 2006. Tháng 11 năm 2007, Hiệp hội làng nghề Việt Nam cũng đã công nhận Văn Lâm là một trong 12 làng nghề tiêu biểu của cả nước. Thôn tổ chức đón nhận danh hiệu cao quý này từ Hà nội và đã làm lễ công nhận nghề nhân cho cụ Chu Văn Lượng 84 tuổi và cụ Đình Văn Uynh 78 tuổi, đồng thời tuyên dương 3 doanh nghiệp hoạt động tiêu biểu trong nghề thêu: Minh Trang, Pataco, An lộc.

Văn Lâm hiện đang thực hiện phương châm: “ ly nông bất ly hương”. Người dân ở đây đã phát triển nghề thêu kết hợp với phục vụ du lịch ngay trên chính mảnh đất quê hương mình. Năm ngay trong khu du lịch nổi tiếng với hàng vạn lượt khách đến thăm quan, Văn Lâm có thể phát triển thành một làng nghề du lịch, tạo ra một loại hình du lịch làng nghề lý tưởng với các khu sản xuất, bán hàng có quy mô lớn. Bên cạnh đó, việc tổ chức các ngày giỗ tổ, lễ hội đình làng, tôn vinh các nghệ nhân, doanh nghiệp hoạt động nghề thêu... Đây cũng là một trong các hoạt động giúp duy trì và phát triển nghề, thu hút khách du lịch.

Đánh giá chung:

Qua việc kiểm kê, đánh giá tài nguyên du lịch nhân văn ở Tam Cốc – Bích Động có thể thấy:

Tài nguyên du lịch nhân văn chủ yếu là đền chùa, chỉ có một lễ hội và một làng nghề.

Các tài nguyên này có giá trị độc đáo về kiến trúc, lịch sử ... có khả năng khai thác kết hợp với cảnh quan tự nhiên tạo thành những sản phẩm du lịch hấp dẫn.

Khả năng khai thác các tài nguyên này là khá thuận lợi vì chúng nằm trên tuyến tham quan phong cảnh tự nhiên của khu vực, giao thông cũng thuận tiện.

Với các nguồn tài nguyên trên, dân cư địa phương có rất nhiều điều kiện tham gia vào hoạt động du lịch, từ việc vận chuyển tới cung ứng các sản phẩm du lịch cũng tạo ra các dịch vụ phục vụ khách du lịch. Và hoạt động du lịch này diễn ra liên tục, quanh năm.

2.1.2.2. Điều kiện về kinh tế - xã hội:

❖ Đặc điểm về kinh tế:

Nông nghiệp vẫn là ngành kinh tế chính của xã Ninh Hải. Diện tích gieo cấy toàn xã Ninh Hải năm 2006 là 494,36 ha. Tổng sản lượng lương thực cả năm đạt 2529,2 tấn, tăng so với năm 2005 là 315,3 tấn. Năng suất lúa đạt 61 tạ/ha.

Năm 2006, cả xã có 10 doanh nghiệp đóng trên địa bàn. Trong đó có 6 doanh nghiệp thủ công xuất khẩu, 3 doanh nghiệp dịch vụ du lịch, một ban quản lý du lịch và trên 20 hộ làm nghề thủ công vừa và nhỏ, cùng các hộ làm dịch vụ chở đò, bán hàng ăn, đồ lưu niệm...

Ngoài nghề thủ công, ở đây là vùng núi đá vôi nên nghề làm đá, chế biến đá, làm gạch nên rất phổ biến. Do đó, thu hút được một lực lượng lớn lao động của toàn huyện là việc trong các nhà máy chế biến đá như: Nhà máy phân lân Cầu Yên, nhà máy xi măng Hệ Dưỡng... Bên cạnh đó, có các làng nghề tác đá nghệ thuật phục vụ chủ yếu cho các công trình như: đình, chùa, miếu, mạo... cùng các sản phẩm đáp ứng cho nhu cầu thú vui chơi non bộ với các chậu cảnh, bể các cảnh.

Như vậy nguồn thu nhập chủ yếu của địa phương hiện nay là nông nghiệp và các nghề phụ. Hoạt động du lịch ở đây tuy phát triển, đóng góp

sách lớn cho huyện, cho tỉnh nhưng mới chỉ hoạt động sôi nổi ở Tam Cốc Bích Động giúp người dân trong xã có thêm công ăn việc làm, thu nhập, nâng cao đời sống cho nhân dân... Còn lại cuộc sống của người dân ở các làng, xã khác vẫn còn nghèo khó, lam lũ.

❖ **Đặc điểm về văn hóa xã hội:**

Các hoạt động văn hóa tuyên truyền đã tới tận thôn xóm. Sinh hoạt văn hóa cộng đồng thường xuyên được duy trì. Trật tự an toàn xã hội được giữ vững và tăng cường, các tệ nạn xã hội giảm, công tác đền ơn đáp nghĩa luôn luôn được coi trọng. Ngoài ra còn chăm lo cho các gia đình nghèo, gia đình chính sách.

Dân cư – lao động:

Theo điều tra năm 1993 thì:

- 87% dân số toàn huyện được phổ cập cấp 1
- 56% dân số được phổ cập cấp 2
- 18,5 % được phổ cập cấp 3
- Toàn huyện có 0.35% dân số có trình độ cao đẳng, đại học và sau đại học. Đến năm 2003 toàn huyện phổ cập hết trung học cơ sở.

Riêng xã Ninh Hải, dân số trong khu khoảng 3400 người, đông nhất là thôn Đạm Khê và Hải Nham.

- Tỷ lệ tăng dân số là 0,84%
- Số người trong độ tuổi lao động khoảng 1300 người
- 30% có trình độ văn hóa tốt nghiệp PTTH
- 90% sống bằng nghề nông
- Tổng thu nhập 4,7 triệu đồng/người/ năm.
- Đời sống còn gặp nhiều khó khăn.

2.2. THỰC TRẠNG KHAI THÁC VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỘNG ĐỒNG Ở KHU DU LỊCH TAM CỐC – BÍCH ĐỘNG

2.2.1. Tổ chức quản lý nhà nước về du lịch

Trước đây, Khu du lịch Tam Cốc – Bích Động thuộc Sở Du lịch Ninh Bình quản lý. Hiện nay, do Sở Văn hóa – Thể thao – Du lịch Ninh Bình quản lý.

Khu du lịch Tam Cốc – Bích Động được ngành du lịch quản lý và khai thác từ năm 1992 và giao cho Công ty Du lịch Ninh Bình quản lý. Từ năm 2004, nhiều đơn vị cùng tham gia quản lý du lịch như :

+ Công ty cổ phần du lịch Ninh Bình khai thác tuyến du lịch Tam Cốc, đền Thái vi, chùa Bích Động.

+ Công ty TNHH Dịch vụ Bích Động quản lý và khai thác tuyến du lịch Thạch Bích, Thung Nắng, Linh Cốc – Hải Nham.

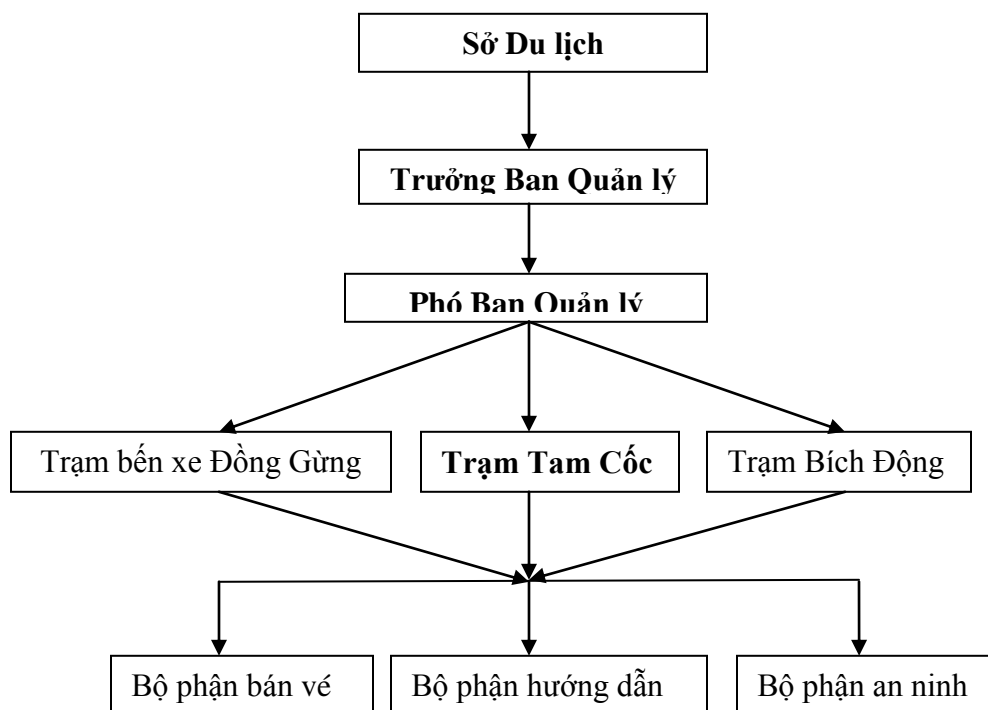
+ UBND xã Ninh Hải phụ trách công tác vệ sinh môi trường, an ninh trật tự và chở đò. Bên cạnh đó là sự tham gia của nhiều doanh nghiệp khác trong lĩnh vực kinh doanh lưu trú, ăn uống...

Tuy có sự tham gia quản lý, khai thác kinh doanh của nhiều đơn vị. Nhưng trong giai đoạn này, khu du lịch không có một doanh nghiệp nào nắm vai trò chỉ đạo điều hành. Điều này đem đến cho khu du lịch tình hình kinh doanh phức tạp, mạnh ai người ấy làm, còn nhiều hạn chế và tồn tại trong công tác phục vụ khách du lịch.

Trước tình hình đó, để phát triển du lịch một cách bền vững, UBND tỉnh đã quyết định thành lập Ban Quản lý (BQL) Khu du lịch Tam Cốc – Bích Động thuộc Sở Du lịch theo quyết định 1969/2006/QĐ ngày 19/9/2006, Ban quản lý chính thức đi vào hoạt động vào ngày 13/10/2006.

Hình 1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức Ban Quản lý Khu du lịch

Tam Cốc – Bích Động



Chức năng : Là đơn vị thuộc Sở Du lịch Ninh Bình giúp Giám đốc Sở thực hiện công tác quy hoạch và đầu tư phát triển du lịch, quản lý các hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch bảo vệ môi trường, trật tự an toàn xã hội và trực tiếp thực hiện việc bán vé danh lam, vé đò tại khu du lịch Tam Cốc – Bích Động.

2.2.2. Vốn đầu tư cho du lịch

Khu du lịch Tam Cốc – Bích Động là một trong 20 khu du lịch chuyên đề được tổng cục du lịch Việt Nam phê duyệt nhằm tập trung nâng cao và hoàn thiện. Cho nên khu du lịch Tam Cốc – Bích Động hiện nay đang trong giai đoạn tiến hành thi công dự án quy hoạch từ năm 1997 – 2010 dự án được chia làm 2 giai đoạn:

Giai đoạn 1: 1997 – 2005

Giai đoạn 2: 2005 – 2010

Tính đến năm 2006, cả khu du lịch đã thu hút được 353,86 tỷ đồng vốn đầu tư. Trong đó, vốn đầu tư cho cơ sở hạ tầng chiếm số lượng lớn nhất, khoảng 208,5 tỷ đồng, chiếm 66,8%. Nguồn vốn này chủ yếu do ngân sách nhà nước đầu tư. Vốn đầu tư cho cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch là 145,71 tỷ đồng chiếm 33,32%. Không có dự án đầu tư FDI hay liên doanh nào.

**Bảng 2: Hiện trạng đầu tư vào khu du lịch Tam Cốc – Bích Động
tính đến năm 2008**

Đơn vị (Tỷ đồng)

	Nội dung đầu tư	Tổng số vốn đầu tư	Thời gian thực hiện	Đơn vị đầu tư
Đầu tư cơ sở hạ tầng	Nâng cấp CSHT khu du lịch	08,15	001 – nay	Sở du lịch
	Đầu tư CSHT tuyến Linh Cốc – Hải Nham	8,3	005 – nay	Sở du lịch
Đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật	Tuyến du lịch Linh Cốc – Hải Nham	9,9	004 – nay	Cty DVDL Bích Động
	Nhà Hàng Anh Dũng	5	003 – 2005	DN Anh Dũng
	Nhà hàng Hoàng Đức		002 – 2003	DN Hoàng Đức
	Nhà hàng Thế Long	20	004 – nay	DN Thế Long
	Cổ viên lâu			DN Minh

Một số giải pháp thúc đẩy phát triển du lịch cộng đồng tại Khu du lịch
Tam Cốc - Bích Động, Ninh Bình

			004 – nay	Thoa
	Khu du lịch sinh thái Thung Nham	30	005 – nay	DN Doanh Sinh
	Trụ sở làm việc và phòng nghỉ	3,81	005 – nay	Cục thuế Ninh Bình
	Nhà nghỉ AnhQuân	10	005 – nay	DN Anh Quân
	Tổng cộng	53,86		

Nguồn : Sở Du lịch Ninh Bình

2.2.3. Kết cấu hạ tầng phục vụ du lịch

❖ *Giao thông vận tải:*

- Đường bộ:

Đoạn đường từ quốc lộ 1A vào trung tâm khu du lịch dài khoảng 3km đã được đầu tư xây dựng với hai làn đường trải nhựa, hai bên đường trồng cây xanh, có cổng vào khu du lịch rất đẹp.

Đoạn đường nhánh từ khu trung tâm tới chùa Bích Động dài 3km và tới đền Thái Vi đang được đầu tư nâng cấp.

- Đường thủy:

Khu bến thuyền Đình Các (Cây Đa) đi tham quan 3 hang (Tam Cốc) đã được nạo vét và kè đá xung quanh.

Các tuyến đường thủy vào tham quan 3 điểm du lịch mới là Thung Nắng, Thung Nham và quần thể hang Chùa, hang Ghé, hang Bụt, hang Hiếu đang được xây dựng.

❖ *Thông tin liên lạc:*

Thông tin liên lạc giữa các khu du lịch với các vùng khác trong nước và trên thế giới rất thuận tiện. ngay tại khu trung tâm (bến xe Đồng Gùng) đã có một chi nhánh bưu điện của huyện Hoa Lư được trang bị hiện đại, đáp ứng yêu cầu liên lạc trong nước và quốc tế, bao gồm 1 tổng đài tự động và 5 máy điện thoại. Tổng đài đã hòa mạng thông tin di động Vinaphone, mobiphone, Viettel, đã nối mạng Internet.

❖ ***Điện:***

Hiện tại 100% số thôn trong khu du lịch đã có điện, 78% số hộ dùng điện. Mạng lưới cung cấp điện ở trạng thái tốt. Tuy nhiên, khu du lịch Tam Cốc – Bích Động vẫn chưa có trạm biến áp riêng và vẫn sử dụng chung nguồn điện lưới của các địa phương, dẫn đến việc sử dụng điện cho các hoạt động du lịch là thiếu ổn định

❖ ***Nước:***

Tại khu vực, hiện tại có 8 bể chứa nước mưa với tổng dung tích khoảng 100m³ và 3 giếng khoan có khả năng cung cấp 200m³/ ngày đêm. Ngoài ra còn có 2 trạm cấp nước trung tâm lấy nước ngầm nhưng cũng chỉ hoạt động được 60% công suất. Người dân trong vùng chủ yếu sử dụng nước giếng và nước mưa, dẫn tới chất lượng nước chưa đảm bảo vệ sinh.

❖ ***Hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường:***

Nước thải của khu vực thải qua 8 hệ thống cống nhưng chưa qua xử lý. Hầu hết nước thải sinh hoạt, nước thải từ các nhà hàng, khách sạn đều thải một cách tự nhiên ra ngoài môi trường.

Tại khu trung tâm điều hành của Khu du lịch có hoạt động thu gom xử lý rác thải, đạt khoảng 80%, chủ yếu xử lý bằng cách chôn lấp.

2.2.4. Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch

Số lượng cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch tại Khu du lịch Tam Cốc – Bích Động được thể hiện trong Bảng sau:

**Bảng 3 :Số lượng cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch tại
Khu du lịch Tam Cốc – Bích Động**

STT	Chỉ tiêu	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2008
1	Số lượng nhà nghỉ	1	1	2	3	3	4	5
	Số lượng phòng	10	10	20	30	30	30	90
2	Nhà hàng ăn uống	7	7	12	12	16	16	18
3	Cơ sở bán hàng lưu niệm	10	10	12	15	30	30	35

Nguồn : Ban Quản lý Khu du lịch tam Cốc – Bích Động

❖ **Cơ sở lưu trú:**

Do khoảng cách từ khu du lịch Tam Cốc – Bích Động đến thành phố Ninh Bình là rất gần, khoảng 7km, các tuyến tham quan trong khu du lịch chỉ đi về trong ngày. Cho nên khách du lịch thường đến tham quan rồi quay về thành phố Ninh Bình nghỉ qua đêm. Bởi vậy tỉ lệ khách tham quan trong ngày của khu du lịch là rất cao, gần 99%. Thực tế trên khiến các doanh nghiệp không mặn mà với việc xây dựng các cơ sở lưu trú tại khu du lịch.

Tính đến năm 2006, Khu du lịch Tam cốc – Bích Động chưa có khách sạn mà chỉ có 4 nhà nghỉ phục vụ khách du lịch với khoảng 48 phòng chất lượng phục vụ không cao, chưa đáp ứng được nhu cầu phục vụ khách du lịch, đặc biệt là những đối tượng khách du lịch có thu nhập cao, khách du lịch quốc tế, khách du lịch công vụ.

Hiện nay, tại khu du lịch đã có 5 khách sạn với hơn 90 phòng đủ tiêu chuẩn đón tiếp khách và 3 khách sạn đang trong quá trình xây dựng. Khu du lịch cũng dự kiến xây dựng hệ thống khách sạn cấp 3 sao để đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của khách du lịch.

❖ ***Cơ sở ăn uống:***

Hiện nay có gần 20 nhà hàng, số lượng này phần nào cũng đã đáp ứng được nhu cầu của du khách. Tuy vậy, quy mô của các nhà hàng còn nhỏ, thực đơn chưa phong phú, chất lượng phục vụ chưa cao, chưa mang tính chuyên nghiệp.

Thực tế, vào những dịp cao điểm hoặc đơn giản chỉ là cuối tuần, hầu như các nhà hàng đều quá tải. Thậm chí nhiều nhà hàng không nằm trong khu du lịch cũng trong tình trạng quá tải tương tự.

❖ ***Các khu vui chơi giải trí và bán hàng lưu niệm:***

• Hiện tại, khu vực này chưa có một cơ sở vui chơi giải trí nào phục vụ cho du khách. Nguyên nhân là khu du lịch còn nhiều hạn chế trong việc thu hút vốn đầu tư vào các dự án vui chơi giải trí. Và nguyên nhân sâu xa nhất vẫn là do đặc điểm tính chất tham quan của du khách: đi về trong ngày, số lượng khách lưu lại qua đêm tại đây là rất ít.

• Về cơ sở hàng lưu niệm: tại khu du lịch có khoảng 35 cơ sở với quy mô nhỏ, các mặt hàng chủ yếu là thủ công mỹ nghệ truyền thống của địa phương như: các mặt hàng thêu ren, các sản phẩm từ cói, gỗ trạm khắc, bưu ảnh ...

❖ ***Phương tiện vận chuyển khách du lịch:***

Phương tiện vận chuyển khách chủ yếu của Khu du lịch Tam Cốc – Bích Động là thuyền, hiện cả khu du lịch có 1650 thuyền phục vụ khách du lịch. Đầu năm 2007, một số công ty lữ hành với mục đích tạo ra sức hấp dẫn

của chuyến đi cho du khách, đặc biệt là du khách quốc tế, đã sử dụng phương tiện vận chuyển của địa phương là xe bò để vận chuyển khách du lịch từ trung tâm vào chùa Bích Động, số lượng khoảng hơn 10 chiếc, chủ yếu huy động người dân địa phương tham gia.

2.2.5. Lao động, việc làm

Qua số liệu thống kê của Sở Du lịch Ninh Bình cho thấy:

Giai đoạn từ năm 2000 – 2005, cùng với sự tham gia về lượng khách, số lao động tham gia vào lĩnh vực du lịch tại khu du lịch Tam Cốc – Bích Động cũng được tăng lên gấp đôi, tăng trưởng bình quân năm là 13,36%. Số lao động địa phương tính đến quý I năm 2009 như sau :

Bảng 4 : Số lượng lao động địa phương (tính đến quý I/2009)

Các chỉ tiêu	Số lượng người
Tổng lao động du lịch	2480
Chở đò	1620
Chụp ảnh	250
Bán hàng lưu niệm	60
Thêu ren	250
Nhà hàng	300

Nguồn: Sở Du lịch Ninh Bình

Số lao động làm việc trong ban quản lý khu du lịch hiện tại là 55 người được chia thành các bộ phận: Văn phòng, an ninh, hướng dẫn, bán vé. Nhìn chung lao động việc làm trong ban quản lý là lao động được đào tạo, có trình độ chuyên môn ngoại ngữ.

2.2.6. Khách du lịch

2.2.6.1. Đặc điểm thị trường khách:

Khách du lịch đến với khu du lịch chủ yếu là khách tham quan, khách lưu trú qua đêm chiếm tỷ lệ rất nhỏ, mức chi tiêu trung bình thấp. Do khu du lịch Tam Cốc – Bích Động rất gần về địa lý so với Hà Nội, thành phố Ninh Bình – là trung tâm của khách nên các đoàn thường được bố trí đi về trong ngày. Hơn nữa, do đặc điểm khoảng cách các điểm tham quan tại khu du lịch ngắn và rất ngắn nên hầu hết các công ty lữ hành tổ chức đoàn tham quan không lưu trú qua đêm. Thị trường khách đến đây gồm cả khách du lịch quốc tế và du lịch nội địa:

- Khách du lịch quốc tế:

Khu du lịch Tam Cốc – Bích Động nằm trong vùng châu thổ sông Hồng, thị trường khách du lịch quốc tế chịu ảnh hưởng lớn của trung tâm du lịch Hà Nội nên đối tượng khách chủ yếu là khách du lịch các nước ASEAN, khách du lịch Tây Âu, khách du lịch Đông Á – Thái Bình Dương...

- Khách du lịch nội địa:

Khách du lịch nội địa đến đây rất đa dạng, thuộc nhiều lứa tuổi, nhiều thành phần nghề nghiệp khác nhau, đến từ nhiều địa phương khác nhau. Họ thường đi theo đoàn, nhóm, cũng có một số khách đi lẻ.

+ Khách du lịch thương mại, du lịch công vụ: Chủ yếu từ Hà Nội và các thành phố lớn như Hải Phòng, Quảng Ninh...

+ Khách du lịch lễ hội, tín ngưỡng: Trong những năm gần đây, lượng khách này tăng rất nhanh.

+ Khách du lịch tham quan thắng cảnh.

+ Khách du lịch đi tour trên tuyến du lịch Bắc – Nam.

+ Khách du lịch cuối tuần

2.2.6.2. Lượng khách du lịch đến Tam Cốc – Bích Động:

Lượng khách du lịch đến với Khu du lịch Tam Cốc – Bích Động trong giai đoạn 2002 – 2008 được trình bày trong Bảng sau:

**Bảng 5 : Số lượng khách du lịch tới Tam Cốc – Bích Động
trong giai đoạn 2002 – 2008**

Chỉ tiêu	ĐVT	2002	2003	2004	2007	2008
Lượt khách tới TC – BD	Lượt	18730	19561	23602	19608	177636
Mức tăng trưởng	%	-	4.44	20.66	-16.03	-9.41
Tỷ lệ tham quan	%	93.67	97.57	99.13	99.2	-
Tỷ lệ khách lưu trú	%	6.33	2.43	0.87	0.8	-
Lượt khách tới Ninh Bình	Lượt	64710	73967	87734	10212	1186980
Tỷ lệ TC-BD/NB	%	28.95	26.45	26.91	25.32	14.96

Nguồn : Sở Du lịch Ninh Bình

Theo bảng số liệu trên ta thấy: Lượng khách đến khu du lịch Tam Cốc – Bích Động, có mức tăng trưởng không đều và có xu hướng giảm trong những năm gần đây.

Giai đoạn 2002 – 2004 lượng khách tới Tam Cốc – Bích Động có tăng nhưng nhịp độ tăng không đều giữa các năm. Nếu như năm 2003, mức tăng trưởng chỉ là 4,44 % thì năm 2004 lại tăng lên tới 20,66%. Yếu tố làm cho khách du lịch tăng đột biến ở thời điểm năm 2004 là do cuối năm 2003 đầu năm 2004 Việt Nam có tổ chức Seagame, Ninh Bình đăng cai thi đấu môn bóng chuyền nên có một lượng lớn cổ động viên của các đoàn thể thao tới Ninh Bình tham gia thi đấu. Sau khi kết thúc giải họ kết hợp đi

tham quan một số điểm du lịch trong tỉnh, trong đó có khu du lịch Tam Cốc – Bích Động.

Giai đoạn 2004 – 2008, khách du lịch tới Tam Cốc – Bích Động có xu hướng giảm.

Cũng qua bảng thống kê có thể thấy, trong tổng số khách đến Ninh Bình thì lượng khách đến Tam Cốc chiếm tỷ lệ khá cao. Năm 2002 chiếm 28,95%. Tuy nhiên tỷ lệ này đang có xu hướng giảm dần, tới năm 2008 tỷ lệ này chỉ còn 14,96%. Nguyên nhân là do nhiều khu du lịch khác của Ninh Bình đã đưa vào khai thác như : khu Vân Long, khu Tràng An, Khu Kênh Gà, Bái Đính... dẫn tới nguồn khách tới Tam Cốc – Bích Động bị chia sẻ ít nhiều.

Bảng 6 : Cơ cấu khách tham quan Tam Cốc – Bích Động

Địa điểm	Tam Cốc – Bích Động						Ninh Bình			
	Khách du lịch nội địa			Khách du lịch quốc tế			Khách du lịch nội địa		Khách du lịch quốc tế	
Năm	Số lượng (lượt)	%khách nội địa	Mức tăng trưởng (%)	Số lượng (lượt)	khách quốc tế	Mức tăng trưởng	Số lượng (lượt)	TC-BĐ/NB	Số lượng (lượt)	TCB Đ/NB
2004	106 102	56.6 5	-	81198	43.3 5	-	292730	27.02	245380	31.92
2005	108 730	55.5 8	2.48	86880	44.4 2	7.0	520870	27.96	218800	39.71
2006	109 510	46.3 9	0.72	126510	55.6 1	45.6 2	589440	18.58	287900	43.94

Một số giải pháp thúc đẩy phát triển du lịch cộng đồng tại Khu du lịch
Tam Cốc - Bích Động, Ninh Bình

2007	875 97	44.6 8	- 20.0 2	108483	55.3 2	- 14.2 5	691389	12.66	329847	32.92
2008	761 63	42.8 8	- 13.0 6	101473	57.1 2	6.5	811971	9.38	373071	27.05

Nguồn :Sở Du lịch Ninh Bình

Theo Bảng trên, trong tổng số khách đến Tam Cốc – Bích Động thì khách du lịch quốc tế luôn chiếm tỷ lệ cao và có xu hướng tăng lên qua các năm. Tuy nhiên giai đoạn 2006 đến 2008, mức tăng trưởng khách quốc tế có xu hướng giảm, năm 2007 giảm còn 14,5 % so với năm 2006, năm 2008 giảm 6,5 % so với năm 2007.

Khách quốc tế đến Tam Cốc – Bích Động chiếm tỷ lệ cao trong tổng số khách du lịch quốc tế đến Ninh Bình. Năm 2006 tỷ lệ này là 43,44% chiếm gần một nửa lượng khách quốc tế đến Ninh Bình. Tuy nhiên tỷ trọng này đang có xu hướng giảm dần, năm 2008 chỉ còn 27,05%. Nguyên nhân là Khu du lịch Tam Cốc – Bích Động phải chia sẻ nguồn khách với các khu du lịch khác trong tỉnh mới được đưa vào khai thác, và cũng tại Khu du lịch còn nhiều hạn chế trong việc phát triển, sản phẩm du lịch thì đơn điệu, cơ sở vật chất kỹ thuật chưa hoàn thiện.

Đánh giá chung:

Qua việc phân tích hiện trạng khách du lịch tới Tam Cốc – Bích Động trong các giai đoạn có thể rút ra nhận xét:

Khách du lịch tới Tam Cốc – Bích Động chủ yếu là khách du lịch theo đoàn, thông qua các công ty lữ hành trong nước, khách đi lẻ rất ít.

Tỷ trọng khách tham quan du lịch rất cao, khoảng 90% trong tổng số khách.

Lượng khách du lịch tới Tam Cốc – Bích Động đang có xu hướng giảm dần. Thị trường khách chính của khu du lịch là khách quốc tế, thể hiện ở tỷ trọng khách du lịch trong tổng số khách du lịch tới Tam Cốc – Bích Động liên tục tăng, năm 2008 chiếm 57,11% tổng số khách tới Tam Cốc – Bích Động.

2.2.7. Doanh thu

Doanh thu du lịch của Khu du lịch Tam Cốc – Bích Động trong thời gian 2005 – 2008 được trình bày trong bảng sau:

Bảng 7 : Doanh thu du lịch của Tam Cốc – Bích Động

Tam	Hạng mục	2005	2006	2007	2008
Cốc-	Tổng lượt khách(lượt)	195610	236220	196080	177636
	Bích	Tổng doanh thu (tỷ)	-	7.797	7.754
Động	Mức tăng trưởng(%)	-	-	0.6	8.3
	Ninh	Tổng lượt khách(lượt)	739670	877340	1021200
Bình	Tổng doanh thu(tỷ)	41.612	51	63.117	87.997
	Tỷ trọng TC-BĐ/NB (%)	-	15.2	12.2	9.5

Nguồn: Sở Du lịch Ninh Bình

Tuy khách du lịch đến Tam Cốc – Bích Động có xu hướng giảm nhưng doanh thu của khu có xu hướng tăng lên qua các năm. Năm 2006, tổng doanh thu là 7,979 tỷ đồng, đến năm 2008 là 8,3 tỷ đồng, tăng 8,3% so với năm 2007. Nguyên nhân là do mức chi tiêu của khách du lịch cũng tăng so với trước.

Nếu so sánh doanh thu du lịch của khu du lịch này với tổng doanh thu du lịch của cả tỉnh Ninh Bình thì tỷ trọng tổng doanh thu của khu du lịch so với tổng doanh thu của cả tỉnh thì đang có xu hướng giảm dần. Năm 2006,

tổng doanh thu của cả khu du lịch chiếm 15,2% tổng doanh thu du lịch của cả tỉnh, đến năm 2008 con số này chỉ còn 9,5%.

Nhìn chung, so sánh giữa tổng lượt khách và tổng doanh thu của khu du lịch thì doanh thu tương đối thấp. Năm 2007 toàn khu đạt doanh thu là 10,808 tỷ đồng.

Bảng 8: Kết quả doanh thu năm 2002 của Công ty du lịch Ninh Bình tại khu du lịch Tam Cốc – Bích Động

Đơn vị : Triệu đồng

Các chỉ tiêu	Thực hiện	% so sánh	
	Năm 2002	Năm 2001	Kế hoạch được giao
Tổng doanh thu	6458	+8	92.8
Doanh thu danh lam	3959	+17	99
Doanh thu dịch vụ đò	1609	+17	100.6
Doanh thu ăn uống	385	- 29	55
Doanh thu nghỉ	266	-27	88.7
Doanh thu lễ hành	108	+68	108
Doanh thu dịch vụ khác	131	-54	43.7

Nguồn: Sở Du lịch Ninh Bình

Theo Bảng trên, ngoài doanh thu từ danh lam thì doanh thu từ dịch vụ chèo đò chiếm phần lớn trong tổng doanh thu. Điều này cũng có nghĩa là vai trò và sự tham gia của người dân địa phương là rất lớn.

Mặt khác, doanh thu từ dịch vụ lưu trú chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong khi kinh doanh du lịch hiện tại ở Việt Nam thì doanh thu từ lưu trú chiếm tỷ lệ cao nhất, sau đó mới đến ăn uống và đi lại... Do đó có thể thấy, cơ cấu doanh thu ở đây còn nhiều hạn chế.

2.2.8. Các tuyến du lịch

- Tuyến Tam Cốc:

Hành trình đi bằng thuyền, điểm xuất phát từ bến thuyền Đình Các đi trên sông Ngô Đồng qua hang Cả, hang Hai, hang Ba, sau đó quay lại bến Thánh lên thăm đền Thái Vi, động Thiên Hương. Thời gian tham quan khoảng từ 2-3 giờ.

- Tuyến Bích Động:

Hành trình đi từ trung tâm bến Đình Các bằng đường bộ theo hướng Tây Nam vào thăm chùa Bích Động gồm chùa Hạ, chùa Trung và chùa Thượng nằm dọc theo sườn núi Bích Động, cung đường đi 3km thời gian khoảng 2 giờ.

Đây là 2 tuyến chính, ngoài ra còn có một số tuyến du lịch khác như :

+Tuyến Bích Động – Chùa Linh Cốc – Động Tiên – Xuyên thủy động.

+ Thạch Bích – Thung Nắng.

2.3 THỰC TRẠNG VÀ KẾT QUẢ THAM GIA CỦA CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG TẠI KHU DU LỊCH TAM CỐC – BÍCH ĐỘNG

2.3.1 Thành phần tham gia hoạt động du lịch

Không phải toàn bộ số dân toàn huyện trực tiếp tham gia vào hoạt động du lịch, mà chỉ diễn ra ở một số xã, thôn có khu du lịch hoặc nằm trong vùng phụ cận giáp ranh với khu du lịch.

Tại trung tâm Khu du lịch Tam Cốc, người dân tham gia một cách đầy đủ nhất với gần 2000 hộ dân, gần 100% số hộ gia đình tham gia vào dịch vụ du lịch như: chèo thuyền đưa đón khách, thuê thuyền, bán hàng... Số hộ thuần nông ở đây chỉ chiếm khoảng 4%. Như vậy dịch vụ du lịch đã trở thành

ngành kinh tế chủ yếu của địa phương mà vốn trước đây là một xã thuần nông.

2.3.2 Hình thức tham gia của người dân

2.3.2.. Hoạt động vận chuyển:

- **Chở đò:** Người dân tham gia chủ yếu vào hoạt động chở đò đưa khách đi tham quan. Người dân tự bỏ tiền ra mua sắm phương tiện (3.000.000đ/thuyền) và bỏ sức lao động ra chuyên chở.

Nếu như năm 1997, phương tiện vận chuyển đò là 1525 thuyền nan, gỗ để vận chuyển khách tham quan các hang động (trong đó 1500 chiếc là của dân và 25 chiếc là của trung tâm du lịch) thì hiện nay, các thuyền nan đều được thay bằng thuyền tôn với gần 2000 thuyền, riêng thôn Văn Lâm khoảng 1200 thuyền. Hầu hết là thuyền của người dân địa phương còn thuyền của công ty du lịch khoảng 8 chiếc thuyền máy, chủ yếu là để chuyên chở các nhà quản lý, cán bộ đi khảo sát hoặc đoàn khách có thời gian đi quá ngắn.

Tất cả việc chuyên chở đò được giao cho những người dân thôn Văn Lâm. Trong thôn trực tiếp có bến bãi ở Tam Cốc – Bích Động. Số đò được tính trên hộ gia đình. Cứ mỗi hộ gia đình là một con thuyền nhỏ (hộ gia đình ở đây được tính theo thế hệ). Nếu gia đình nào có 3 thế hệ sống chung một nhà thì có 3 thuyền chở đò. Người dân ở đây không dám trở đò lậu vé nữa bởi nếu Ban quản lý phát hiện sẽ bị ngừng chở đò trong vòng một năm.

Hiện nay tại bến Đình Các (Tam Cốc) có khoảng 1200 đò, tại bến xuyên thủy động có khoảng 600 thuyền, ngoài ra còn có các thuyền chuyên chở ở Thung Nắng ... Những thuyền này chủ yếu là của người dân, bên cạnh đó là của các hội tập thể như : Hội phụ nữ, đoàn Thanh niên, hội cựu chiến binh... Việc cấp số thuyền cho các hội này để giúp đóng góp vào ngân sách

quỹ của các hội, chi phí cho các đoàn thể trong qua trình hoạt động. Khi họ không chở thuyền thì bán lại hoặc điều lại số đò cho các hộ dân.

Các số đò được đánh theo số thứ tự, chuyên chở quay vòng:

+Nếu chuyên chở khách Việt Nam thì được tính từ 1 đến 1200

+Nếu chuyên chở khách quốc tế được tính quay vòng lại từ 1200 - 1 .

Cứ đến lượt gia đình nào thì gia đình đó chuyên chở. Nếu các đò không ra bến hay đến chậm sẽ bị mất lượt. Chính vì thế, hàng ngày, mọi lúc, mọi nơi đều có bà con trong thôn ngồi đợi để chuyên chở khách khi đến lượt. Vì số hộ gia đình đông như vậy nên số lần chuyên chở trung bình của mỗi hộ gia đình là:

- 5->6 lần/khách quốc tế/tháng/hộ gia đình.

- 3->4 lần/khách Việt Nam/tháng/hộ gia đình.

Trung bình, tổng 8-10 lần chuyên chở khách/tháng/hộ gia đình, chủ yếu vào mùa đông. Còn vào những tháng hè(cuối tháng 5 đến tháng 7), khách đi biển là chủ yếu nên đến đây ít hơn. Do vậy số lượt đò giảm đi.

- Hoạt động chở xe ôm

- Vận chuyển bằng xe bò, xe trâu

2.3.2.2 Hoạt động khác:

- Bán hàng lưu niệm

- Cung cấp một số sản phẩm du lịch cho khách du lịch và các nhà cung ứng dịch vụ

Như vậy, người dân ở đây vẫn chỉ là những người làm thuê, chưa thực sự được tham gia vào quá trình quy hoạch, quản lý.

2.3.3 Thu nhập của người dân địa phương từ hoạt động du lịch

❖ **Giá vé:**

Theo Quyết định số 1561/QĐ – UBND ngày 20 tháng 8 năm 2008 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc ban hành các khoản phí và lệ phí:

Có 2 loại vé :

1. Phí tham quan danh lam thắng cảnh Tam Cốc – Bích Động:

- Người lớn (Khách quốc tế và trong nước): 30.000 đồng/người/lượt

- Trẻ em, học sinh (6-15 tuổi): 10.000 đồng/người/lượt

2. Phí chèo đò tuyến Tam Cốc : 60.000 đồng/thuyền

- Tối đa 02 người/đò đối với khách quốc tế/ thuyền

- Tối đa 04 người/đò đối với khách trong nước/ thuyền.

Vé chỉ có giá trị trong ngày.

- Như vậy, giá vé so với thời điểm năm 2002: 55.000 đồng/ người đối với khách quốc tế; 13.000 đồng/ người đối với khách Việt nam.

Giá vé và cách thức bán vé hiện nay có sự khác biệt. Giá vé không có sự phân biệt khách Việt Nam hay khách quốc tế. Đây là sự điều chỉnh hết sức hợp lý.

Ngoài ra, giá vé tại các điểm du lịch khác như sau :

.Giá vé Xuyên thủy động : 25.000 đồng/ người

.Giá vé Thung Nắng: 45.000 đồng/người

Thu nhập:

Khi nhận chèo mỗi chuyến đò người dân sẽ được phát một “vé trắng”. Đây chính là phiếu thanh toán công chèo đò của người dân với Ban quản lý. Phiếu thanh toán này cũng có giá trị trong ngày, ngày nào thanh toán luôn ngày đó.

Cứ 01 thuyền (01 vé) với tổng phí chèo là 60.000 đồng thì người dân được giữ lại 45.000 đồng

- Thu nhập 1 tháng sẽ là: 360.000 – 450.000 đồng / tháng.

Tuy nhiên trong quá trình chuyên chở khách, người chở đò còn có các khoản thu khác như bán hàng thủ công, tiền thưởng của khách... nên số thu nhập có thể cao hơn nhưng không ổn định.

Đối với dân thôn Đam Khê, cứ mỗi vé 25.000 đồng thì người chở đò được giữ lại 19.000 đồng. Song lượng khách ở Xuyên thủy động là rất ít cho nên nguồn thu nhập của người dân không ổn định.

Nhân lực chở thuyền phần lớn là phụ nữ, còn đàn ông thường đi làm các công việc khác; họ chỉ đi làm khi có khách quốc tế vì một người chèo đò, còn một người bán hàng.

Thu nhập từ hàng lưu niệm:

Mấy năm gần đây, do nhu cầu tham quan du lịch ngày càng lớn nên các dịch vụ phục vụ du lịch trên địa bàn rất phát triển. Ngoài việc chuyên chở đò ra, nếu gia đình nào có vốn thì kinh doanh thêm các mặt hàng lưu niệm phục vụ khách du lịch trên bến bãi. Lượng mặt hàng đa dạng hay phong phú phụ thuộc vào lượng tiền vốn ít hay nhiều. Hiện nay trên địa bàn, số lượng các ki-ốt bán hàng, các hàng quán cố định của các hộ dân khoảng 50-60 quầy hàng.

Vào các ngày nghỉ, thứ bảy hoặc chủ nhật, số lượng hàng quán có thể nhiều hơn do có sự tham gia của các hộ bán buôn nhỏ, bán hàng lưu động. Các mặt hàng chủ yếu là các sản phẩm thủ ren, ngoài ra còn có một số mặt hàng lưu niệm như: sản phẩm cói của huyện Kim Sơn, các đồ chơi, túi xách, cây xanh (chủ yếu là các loại phong lan)...

**Bảng 9 : Thu nhập của cộng đồng dân cư thôn Văn Lâm
(Tam Cốc – Bích Động)**

Mức thu nhập (đồng)	Số người(người)	Tỷ lệ (%)
Dưới 100.000	1	2.5

Một số giải pháp thúc đẩy phát triển du lịch cộng đồng tại Khu du lịch
Tam Cốc - Bích Động, Ninh Bình

Từ 100.000 – 200.000	3	7.5
Từ trên 200.000 – 500.000	30	75
Trên 500.000	7	17.5
Cộng :	40	100

Nguồn: Ban Quản lý Khu du lịch TCBD

Qua Bảng số liệu trên có thể thấy, nhờ hoạt động du lịch mà thu nhập của người dân nơi đây ít nhiều được cải thiện và nâng cao hơn trước.

Chỉ có 2,5 % người được điều tra có mức thu nhập từ du lịch dưới 100.000 đồng, đó là do đối tượng này chủ yếu là người cao tuổi, không còn đủ sức khỏe để tham gia việc chở khách hoặc nếu còn sức khỏe thì cũng có lương hưu hoặc được con cháu phụng dưỡng nên không tham gia lao động. Có một số nhỏ thì tham gia thuê ren nhưng chỉ ở giai đoạn xử lý thô, gia công cho các doanh nghiệp thuê lớn. Trung bình mỗi ngày cũng được 5000 đồng.

Đặc biệt 75% số người được điều tra có thu nhập trên 200.000 – 500.000 đồng. Đây là một điều hết sức đáng mừng. Nếu như trước đây thu nhập chính của người dân vẫn dựa vào nông nghiệp, lại phụ thuộc lớn vào thời tiết thì từ khi có hoạt động du lịch, đời sống của nhân dân đã được đảm bảo và tương đối ổn định. Những người này phần lớn tham gia trực tiếp vào hoạt động chở đò, chuyên chở khách du lịch.

Có 17,5 % số người có thu nhập trên 500.000 đồng, phần lớn là các hộ kinh doanh các mặt hàng lưu niệm, kinh doanh ăn uống nghỉ ngơi...

Như vậy, du lịch đã mang lại cho người dân cuộc sống ổn định hơn, đỡ lam lũ hơn. Thực tế đã chứng minh xã Ninh Hải là một trong 7 xã miền núi nhưng cuộc sống của người dân khá hơn so với các xã miền núi khác của huyện.

2.3.4 Tính chất công việc của người dân địa phương trong hoạt động du lịch

Hiện nay, công việc của người dân địa phương khi tham gia hoạt động du lịch chủ yếu là chuyên chở đò, đưa khách đi tham quan. Trong suốt hành trình dài 7km (tuyến Tam Cốc), người dân sẽ kiêm luôn hướng dẫn viên (nếu đoàn khách không có hướng dẫn viên).

Tuy công việc có vẻ đơn giản là bỏ sức lao động chân tay cho công việc nhưng thực chất là vất vả nặng nhọc. Những ngày yên gió, không khí mát mẻ thì công việc thuận lợi, nhưng vào những ngày mưa gió, nắng hè oi bức thì công việc vất vả hơn rất nhiều.

Bên cạnh đó, người lái đò phải thường xuyên chuyên chở khách qua lại khúc sông, quanh cảnh cứ lặp đi lặp lại, dễ gây nhàm chán, họ chuyên chở khách chủ yếu là muốn kiếm thêm thu nhập để đỡ đi phần nào sự nghèo khó của mình.

2.3.5 Các chế độ phân chia quyền lợi và nghĩa vụ của các bên tham gia

Hiện nay, ở Khu du lịch có các thành phần như: Công ty Du lịch Ninh Bình, Ban quản lý, UBND xã và người dân địa phương trực tiếp tham gia vào hoạt động du lịch trên địa bàn.

Theo Quyết định 1961/QĐ – UBND của UBND tỉnh Ninh Bình ban hành ngày 19/09/2006, quy định nhiệm vụ, quyền hạn của ban quản lý khu Tam Cốc – Bích Động như sau:

Nhiệm vụ và quyền hạn:

- Chủ trì việc phối hợp với chính quyền địa phương, các ngành có liên quan quản lý tốt các quy hoạch đã được phê duyệt, lập kế hoạch cụ

thể cho các khu chức năng trong khu du lịch, báo cáo sở du lịch đề trình UBND tỉnh phê duyệt, tổ chức hướng dẫn và kiểm tra quy hoạch.

- Phối hợp với chính quyền địa phương và các ngành chức năng bảo vệ và giữ gìn tài nguyên, phát triển bền vững.

- Quản lý và sử dụng cơ sở hạ tầng du lịch đã được nhà nước đầu tư trong khu du lịch, hướng dẫn các chủ đầu tư xây dựng đúng ranh giới đã được giao. Phối hợp với chính quyền địa phương đôn đốc, tổ chức thực hiện việc giải phóng mặt bằng các dự án đầu tư du lịch vào khu du lịch.

- Được sử dụng một phần từ nguồn thu phí danh lam để chi cho hoạt động của Ban quản lý như: Tuyên truyền, quảng bá, bảo dưỡng, sửa chữa những cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc.

- Tổ chức quản lý và thực hiện hoạt động du lịch như: Quản lý và bán vé danh lam, vé dò, tuyên truyền quảng bá, hướng dẫn khách tham quan, điều hành vận chuyển khách du lịch, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn, vệ sinh môi trường trong khu du lịch.

- Đảm bảo quyền lợi hợp pháp của khách du lịch theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp với các cơ quan nhà nước có liên quan thực hiện thanh tra, kiểm tra các hoạt động kinh doanh du lịch trong khu du lịch.

- Phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện các dự án đầu tư du lịch và các hoạt động kinh doanh du lịch của các thành phần kinh tế tại khu du lịch.

- Quản lý tổ chức bộ máy lao động, tài chính, tài sản theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý báo cáo định kỳ theo quy định của pháp luật và yêu cầu đột xuất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Đối với UBND xã Ninh Hải:

Thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước đối với hoạt động du lịch trên địa bàn. Chịu trách nhiệm chính trong việc bảo đảm an ninh trật tự và vệ sinh môi trường khu du lịch cũng như trên các tuyến sông, điều tiết nước trong sông, đảm bảo chở đò được thuận lợi, tổ chức trông coi xe đạp, xe máy của khách tham quan du lịch.

Thành lập tổ chức vận chuyển khách du lịch trực thuộc UBND xã để ký hợp đồng kinh tế với Ban quản lý và các Công ty du lịch.

2.3.6. Nhận xét chung về hoạt động du lịch tại khu du lịch Tam Cốc – Bích Động

❖ Những mặt tích cực :

Tuyến sông Ngô Đồng hình thành một cách tự nhiên và là con đường thủy duy nhất để du khách đi tham quan toàn bộ khu Tam cốc – Bích Động. Tổng chiều dài của toàn tuyến đường thủy khoảng 5,8km (hiện nay đã khai thác được hơn 4km).

Cũng như các khu du lịch khác trong tỉnh, phương tiện chở khách tại tuyến này đều có vỏ bằng tôn, hình thức, mẫu mã được đóng theo kiểu dáng truyền thống với kích thước nhỏ và sức chở lớn nhất (trừ người lái đò) cũng chỉ có từ 2 người (đối với khách nước ngoài) đến 4 người (nếu là khách trong nước).

Trước đây, thuyền du lịch đi lại hết sức khó khăn và thường bị mắc cạn do phù sa bồi lắng. Nhưng những năm gần đây, tỉnh Ninh Bình đã đầu tư nạo vét, cải tạo luồng tuyến, mở mang du lịch để phục vụ du khách, từ đó không chỉ làm số lượng du khách tăng lên năm sau cao hơn năm trước mà việc đi lại cũng rất thuận lợi và an toàn.

Theo Ban quản lý Khu du lịch Tam Cốc – Bích Động, để phục vụ du khách được an toàn thuận lợi theo đúng phương châm: “Vui lòng khách đến

– Vừa lòng khách đi – Ân tương lưu mãi”, từ năm 2006 Ban quản lý Khu du lịch đã tiến hành một cuộc “cách mạng” tổng thể các lĩnh vực hoạt động dịch vụ từ việc đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, bán hàng lưu niệm đến những người bán hàng rong và đội ngũ chụp ảnh... Nhưng thành công lớn nhất đó là việc lập lại trật tự kỷ cương trong việc vận chuyển khách du lịch bằng thuyền.

Với quan điểm: “Người dân là chủ thể của khu du lịch”, Ban quản lý Khu du lịch đã phối hợp với chính quyền địa phương áp dụng biện pháp quản lý “ba bên cùng có lợi”: nhà nước – doanh nghiệp và người lao động để đưa đón khách đi tham quan.

Trước tiên Ban quản lý tiến hành chấn chỉnh lại toàn bộ đội thuyền chèo và người lái. Toàn bộ thuyền du lịch được đóng thống nhất một kiểu dáng, kích cỡ và sức chèo; gắn biển số kiểm soát cố định lên mạn thuyền; mở hội nghị chuyên đề về vận tải khách du lịch để tuyên truyền, phổ biến pháp luật về công tác đảm bảo trật tự an toàn cho các du khách.

Tất cả những người tham gia vận chuyển đều phải ký vào bản cam kết thực hiện đúng nội quy của Khu du lịch. Được sự hỗ trợ tích cực của Sở GTVT Ninh Bình và chính quyền xã Ninh Hải, hiện nay đội thuyền trên 500 chiếc của nhân dân đã được đưa vào danh sách quản lý, điều hành trực tiếp của Ban quản lý – việc mà trước đây không thể làm được.

Để đề phòng bất trắc xảy ra, trên dọc tuyến du lịch, Ban quản lý đã trang bị đầy đủ các phao tròn cứu sinh đặt tại các vị trí cố định với một khoảng cách hợp lý để khi xảy ra tai nạn, có thể phát huy ngay tác dụng.

Chỉ tính riêng việc thống nhất đội thuyền đã mang lại thành công to lớn trên mọi phương diện cho khu du lịch như : Đảm bảo được sắc thái riêng của khu Tam Cốc – Bích Động; tạo cảm giác thoải mái cho khách du lịch;

giữ gìn cảnh quan môi trường; người dân có công ăn việc làm và thu nhập ổn định; an ninh trật tự được thiết lập và giữ vững, chấm dứt toàn bộ cảnh tranh giành, chèn ép khách trước đây. Nhưng có lẽ thành công hơn cả là việc người dân đã tự giác chấp hành quy định của Luật giao thông, đảm bảo sự an toàn tuyệt đối cho du khách.

Về kinh tế - xã hội:

Từ khi có sự phát triển du lịch, vùng đất này đã có sự thay đổi đáng kể. Cơ sở hạ tầng được cải thiện, cuộc sống của người dân được thay đổi cả về nhận thức lẫn chất lượng cuộc sống. Người dân có thêm nhiều việc làm, tăng thu nhập, được giao lưu, tiếp xúc với nền kinh tế công nghiệp nhiều hơn.

Về tài nguyên môi trường du lịch:

Chính hoạt động du lịch đã giúp cho việc khai thác tài nguyên được hiệu quả hơn, những giá trị của tài nguyên được nâng lên, được mọi người biết đến và trân trọng, đồng thời giúp tôn tạo, trùng tu, lưu giữ các di sản, các lễ hội được mở ra đem đến cuộc sống tinh thần cho nhân dân, phát huy tính tự hào dân tộc hơn nữa.

Ngày 16 tháng 4 năm 2009 tại Ban Quản lý Khu du lịch Tam Cốc – Bích Động, Ban Dân vận Tỉnh ủy tổ chức đánh giá kết quả 2 năm thực hiện chương trình phối hợp vận động quần chúng thực hiện nếp sống văn minh, văn hóa du lịch ở Khu du lịch Tam Cốc – Bích Động. Sau 2 năm thực hiện đã mang lại hiệu quả rõ rệt, tạo được sự chuyển biến tích cực về nhận thức, trách nhiệm của cán bộ công nhân viên Ban Quản lý, UBND xã Ninh Hải và nhân dân địa phương, đặc biệt là những người tham gia là dịch vụ du lịch.

Công tác vệ sinh môi trường khu du lịch được đảm bảo, cảnh quan ngày càng xanh sạch đẹp, an ninh trật tự được giữ vững, không còn hiện

tượng chào kéo hoặc nài ép khách du lịch mua hàng hoặc chụp ảnh...không những thế phong cách phục vụ ngày càng chuyên nghiệp hơn, tạo được niềm tin với du khách. Đời sống của người dân ở khu du lịch ngày càng được nâng cao hơn.

Tại Hội nghị, nhiều đại biểu, lao động làm dịch vụ trên địa bàn đã bày tỏ tâm tư, nguyện vọng, ý kiến, kiến nghị, sự vui mừng, phấn khởi để làm rõ hơn những kết quả phối hợp đã đạt được, những khó khăn cần khắc phục và trình bày những biện pháp nhằm tiếp tục duy trì nếp sống văn minh, giữ vững thương hiệu tại đây.

❖ ***Những mặt hạn chế:***

Bên cạnh những mặt đã đạt được, trong quá trình thực hiện vẫn còn những mặt hạn chế cần phải khắc phục. Đó là :

Về tổ chức quản lý:

Mặc dù việc điều hành của UBND xã ở đây không quá phức tạp, nhưng trong quá trình tiến hành công việc, họ cũng gặp một số khó khăn trong việc xử lý các vụ việc giữa người dân chờ đò và du khách.

Người dân phải tuân thủ theo quy định chung của Ban Quản lý nhưng không tránh khỏi xô sát giữa những người đến sớm, người đến muộn, những thành phần được ưu đãi, ưu tiên...làm ảnh hưởng đến công việc điều đò, tốc độ và thời gian của khách.

Người dân nơi đây trước khi làm du lịch thì thu nhập chủ yếu là dựa vào nông nghiệp, đến nay tuy có thêm việc chờ đò phục vụ khách du lịch nhưng chưa hoàn toàn thay thế nông nghiệp, chính vì lý do đó mà việc thu đất để xây dựng các công trình rất khó khăn. Trên thực tế số đất được nhà nước thu hồi để xây dựng đường giao thông đã được các nhà quản lý bồi thường cho dân với số tiền là 17.000 đồng/m². Ruộng đất cấy lúa bị thu hẹp,

đã biệt là phục vụ cho việc trồng sen tại khu du lịch Tam Cốc – Bích Động, phải lấy khoảng 3000 ha . Như vậy sẽ rất khó khăn cho việc kiếm công ăn việc làm cho người dân.

Về môi trường cảnh quan:

Quyết định số 432/UBND ngày 29 tháng 3 năm 1996, của UBND tỉnh Ninh Bình về việc: “Nghiêm cấm chặt phá cây tự nhiên và cây rừng trên đồi núi, ven đường và quanh các khu du lịch” đã nghiêm cấm săn bắn, mua bán vận chuyển động vật hoang dã trong rừng. Trên thực tế hiện tượng lấy gỗ, chặt cây của người dân đã giảm nhưng việc săn bắn các loài động vật trên núi như: Khỉ, Rùa đá ...vẫn còn. Các loài cây phong lan quanh khu du lịch gần như là cạn kiệt vì đã bị lấy đi để bán cho khách du lịch. Các loại phong lan người dân đang bán hiện nay chủ yếu là nhập từ nơi khác về.

Hiện nay, người dân ở khu vực Tam Cốc – Bích Động đã có ý thức hơn trong việc bảo vệ môi trường. Tuy vậy rất ít người biết đến như thế nào là “du lịch sinh thái”. Bởi đối với người dân, khi cuộc sống còn khó khăn thì những vấn đề đó rất xa vời. Họ đã có ý thức hơn trong việc bảo vệ môi trường bởi đơn giản họ thấy rằng làm như thế thì sạch sẽ và những người trong thôn cũng làm theo như vậy.

Tuy nhiên ở khu vực chùa Bích Động vẫn còn một số đoạn chưa được sạch sẽ. Như đoạn chân cầu Thạch Kiều dẫn vào cổng Tam quan có rất nhiều rác bẩn và nước ứ đọng ở phía dưới.

Về ý thức tham gia của người dân:

+ Quan hệ làng xã của cộng đồng địa phương khi tham gia du lịch:

Nhìn chung sự tác động của du lịch phần lớn đem lại những thay đổi tốt đẹp song cũng không tránh khỏi những tác động xấu tới đời sống của người dân như: Sự ô nhiễm môi trường, phá vỡ cảnh quan ...và đặc biệt là

vấn đề văn hóa làng đã bị thay đổi theo chiều hướng không tốt. Chính sự tiếp xúc với khách du lịch (đa phần là những người có thu nhập khá, văn hóa đa dạng, phong phú...) những vị khách này, bên cạnh việc giúp cho người dân nơi đây biết làm kinh tế, nhanh nhậy trong giao tiếp, biết buôn bán hàng hóa, trao đổi, có trình độ nhận thức cao hơn song bên cạnh đó nó cũng làm cho quan hệ làng xóm thay đổi, vì mục đích kiếm tiền mà tình làng nghĩa xóm trở nên phai nhạt hơn, người dân coi trọng đồng tiền hơn. Do đó cạnh tranh nhiều hơn... Không những vậy, những giá trị truyền thống bị phai nhạt theo thời gian. Tầng lớp thanh niên cũng kiếm được tiền từ việc bán bưu ảnh, bưu thiếp cho khách du lịch, tiếp xúc nhiều với các nền văn hóa ngoại lai mà trong đó không thiếu những thói hư, tật xấu, dẫn đến các tệ nạn xã hội như: nghiện hút, cờ bạc, bỏ học, trộm cắp... làm mất trật tự an ninh thôn xóm và khu du lịch.

+ *Thái độ tham gia hoạt động du lịch của người dân:*

Có lẽ cũng từ những suy nghĩ vật chất này mà sinh ra thái độ phân biệt giữa khách nội địa và khách quốc tế, giữa khách “thường” với khách “đem”... Bởi lẽ khách này có nhiều tiền hơn khách kia, khách là người Châu Âu thường hào phóng hay mua nhiều hàng hơn khách châu Á. Ngay trong khách châu Âu cũng được phân ra làm 2 loại: “Khách Tây đỏ” (tức là những người có thu nhập cao) và “Khách Tây đen” (Tây Ba Lô/khách có thu nhập thấp) dẫn đến tình trạng người thì thân thiết quá mức, người thì thờ ơ lạnh nhạt...

Có những mặt hạn chế trên, một phần là do tính chất công việc luôn có sự lặp đi lặp lại gây lên sự nhàm chán. Tuy chỉ có đối tượng khách là thay đổi. Và một phần cũng vì mục đích làm thế nào để có thu nhập cao nên người dân sẽ có thái độ hướng vào đối tượng khách.

+ *Mức độ chuyên nghiệp* :

Để đáp ứng nhu cầu du lịch buôn bán, người dân cũng học nói tiếng Anh, Pháp, Trung, Nhật...Nhưng chủ yếu là “ngoại ngữ bồi” do học hỏi nhau chứ không qua trường lớp nào. Tuy có nhiều lớp tiếng Anh được mở do một số tư nhân mở ra với mức học phí 5.000 đồng một buổi, nhưng chỉ thu hút tầng lớp trẻ em và thanh niên. Còn đa số từ thành phần trung niên rất ít đi học. Sở dĩ có tình trạng trên là do người dân trong độ tuổi này rất bận rộn. Ngoài việc chở đò, họ còn công việc đồng áng, làm nghề phụ, không có thời gian cho việc học hành, hơn nữa đối với lứa tuổi của họ, việc tập trung rất khó cho nên đạt chất lượng không cao. Vì vậy muốn để những người dân nơi đây tham gia vào hoạt động du lịch như những thành viên thực thụ, có trình độ, nghiệp vụ, thể hiện đúng phong cách là người làm du lịch thì việc đầu tư vào thế hệ trẻ của địa phương là phương thức đúng đắn cho phát triển du lịch.

Bên cạnh đó, cũng còn nhiều hiện tượng gây phiền lòng khách du lịch. Trên con đường nhỏ dẫn vào chùa Bích Động có nhiều hàng quán nhỏ, người bán phong lan, người bán những mặt hàng lưu niệm. Họ chào mời khách, không ít những trường hợp vừa mới mời chào ngọt nhạt xong, sẵn sàng quay lại nói tục, chửi bậy vì khách không mua hàng hoặc không trả lời vì vừa leo núi còn mệt... Với khách nước ngoài họ không phản ứng gì bởi họ không hiểu. Nhưng đối với khách trong nước: những người không chịu được thì quay lại đôi co, còn những người im lặng cho qua thì thấy buồn lòng và có ấn tượng không mấy tốt đẹp về khu du lịch này.

Mặt khác người dân muốn có thêm số tiền đó để tăng thu nhập mà nhiều gia đình đã cho con cái “lập gia đình sớm” để trở thành một hộ khẩu mới, đăng ký số đò với Ban Quản lý. Điều này ảnh hưởng tiêu cực đến nhiều

mặt, không chỉ riêng những thanh thiếu niên học hành còn dang dở, công việc không cố định, chưa có kinh nghiệm lại sớm phải lam lũ...mà còn gây lên vấn đề gia tăng dân số làm ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống, trật tự an toàn xã hội .

Về sản phẩm du lịch:

Tuy lượng khách đến khu du lịch đông nhưng không phải là cố định, liên tục. Nhất là nơi đây có tiềm năng du lịch lớn nhưng chưa phát huy hết khả năng, chưa hoàn toàn là ngành kinh tế mũi nhọn của vùng để có thể giúp người dân nơi đây thay thế nghề nông bằng việc tham gia vào phục vụ khách du lịch như một số nơi có hoạt động du lịch sôi động, phát triển như Hội An, Huế...

Hiện nay ngoài các tour tuyến có sẵn thì sản phẩm du lịch ở đây còn nghèo nàn, đơn điệu. Có hệ quả trên một phần là do ngành du lịch chưa có biện pháp làm đa dạng hoá sản phẩm nhưng quan trọng hơn cả là do những người dân ở đây vốn ít, dám nghĩ mà chưa dám làm, chưa dám sáng tạo, phát huy những gì mình có để kinh doanh các dịch vụ, vừa đáp ứng được nhu cầu của khách du lịch vừa có thể tăng thêm thu nhập. Trong khi đó lại trông chờ vào những chính sách trợ cấp, nặng nề tư tưởng làm ăn kiểu tiểu nông, manh mún. Hơn nữa, người dân nơi đây hiểu biết còn hạn chế, học vấn chưa cao nên nhiều khi có tiền nhưng lại không biết đầu tư, làm ăn kiếm lời. Chỉ nhìn thấy cái lợi trước mắt mà chưa nghĩ đến lâu dài.

Văn Lâm vốn là mảnh đất có nghề truyền thống là nghề thêu ren, từ trẻ nhỏ tới các cụ già đều biết làm nghề. Nhưng trên thực tế trong tình trạng thiếu công ăn việc làm như hiện nay thì số người là nghề này vẫn còn hạn chế. Theo một số nghệ nhân trong làng nhận xét: Lớp trẻ, thanh niên hiện nay rất năng động, có nhiều người thành đạt từ nghề thêu, họ phát triển mở

rộng nghề thủ cả về chiều rộng và chiều sâu. Song bên cạnh đó số người làm ra những sản phẩm tinh xảo, độc đáo ngày càng mai một. Mẫu mã hàng hóa phần lớn mang tính chất đơn điệu chưa có sự sáng tạo, lặp đi lặp lại rất nhiều. Do vậy Văn Lâm rất cần sự quan tâm giúp đỡ của các cấp chính quyền địa phương trong việc nâng cấp làng thành làng nghề du lịch, duy trì và phát triển cả về quy mô và chất lượng sản phẩm... để làng nghề Văn Lâm luôn hấp dẫn khách du lịch, phục vụ khách hiệu quả hơn nữa.

Tiểu kết chương 2

Nhìn chung Khu du lịch Tam Cốc – Bích Động có nhiều tiềm năng để phát triển du lịch. Đặc biệt rất thuận lợi để phát triển các loại hình du lịch tham quan, du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, văn hóa. Việc bảo tồn và duy trì tính đa dạng của tự nhiên và văn hóa xã hội của khu vực luôn được chính quyền địa phương và Ban Quản lý Khu du lịch quan tâm, chỉ đạo thực hiện tốt. Vì vậy mà cảnh quan tự nhiên và các di tích lịch sử văn hóa xã hội của khu vực chưa chịu nhiều tác động của con người, có giá trị lớn đối với du lịch.

Trong những năm qua, khu du lịch Tam Cốc – Bích Động đã hình thành nhiều tour, tuyến với mong muốn tạo ra sự đa dạng trong chuyến đi của du khách. Tuy nhiên việc phát triển du lịch ở Tam Cốc – Bích Động vẫn chưa tương xứng với tiềm năng.

Việc đầu tư cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật đã được thực hiện khá tốt theo đúng Quy hoạch năm 1997 – 2010. Điều này đã góp phần thúc đẩy việc quản lý, khai thác và sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên du lịch của khu vực. Nhưng bên cạnh đó, việc đầu tư cho cơ sở hạ tầng đã thực hiện từ năm 2001 đến nay nhưng việc triển khai còn chậm, mới đạt được 75% khối lượng công việc. Việc triển khai chậm các dự án cơ sở hạ tầng cũng là nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường du lịch, gây khó khăn cho hoạt động du lịch.

Nhìn chung cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch như: nhà hàng, khách sạn, khu vui chơi giải trí... hầu hết là quy mô nhỏ, chất lượng phục vụ thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu của du khách.

Mặt khác, công tác tuyên truyền quảng bá du lịch, nhất là nước ngoài còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu thông tin cho du khách và các nhà đầu tư .

Môi trường xã hội cũng chưa thực sự lành mạnh, vẫn còn các hiện tượng đeo bám, chèo kéo khách, ép khách mua hàng trên thuyền gây ra những ấn tượng không tốt đối với khu du lịch.

Công tác đầu tư cho bảo vệ môi trường còn chưa được quan tâm đúng mức, hiện tại ở khu du lịch chưa có hệ thống xử lý rác thải, nước thải. hầu hết là được thải ra môi trường theo con đường tự nhiên. Nếu tình trạng này vẫn cứ tiếp diễn sẽ gây ảnh hưởng không nhỏ tới sự phát triển bền vững của khu du lịch.

Tuy nhiên trong thời gian qua, sự phát triển của Khu du lịch cũng đã đem lại nhiều hiệu quả kinh tế - xã hội cho cộng đồng địa phương. Hàng năm, 15% nguồn thu từ dịch vụ du lịch được đóng góp cho ngân sách địa phương. Người dân được tham gia vào các hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch như: Lưu trú, ăn uống, bán hàng lưu niệm, chở đồ phục vụ khách du lịch. Qua đó cũng đã một phần nào cải thiện cuộc sống cho người dân địa phương.

Để khắc phục những hạn chế và đưa Khu du lịch Tam Cốc – Bích Động phát triển cho tương xứng với tiềm năng thì việc nghiên cứu và xây dựng các định hướng và giải pháp phát triển bền vững cho khu du lịch là một yêu cầu cấp thiết.

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP THỨC ĐẨY PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỘNG ĐỒNG TẠI KHU DU LỊCH TAM CỐC – BÍCH ĐỘNG

Để thúc đẩy phát triển du lịch cộng đồng tại Khu du lịch Tam Cốc – Bích Động, trong thời gian tới cần áp dụng đồng bộ một số giải pháp cơ bản như sau :

3.1. GIẢI PHÁP VỀ CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH

❖ **Quản lý:**

Do đặc trưng du lịch là đối tượng kinh tế liên ngành, đa ngành nên cùng một vùng, một khu vực du lịch nhưng lại thuộc sự quản lý của nhiều cấp, nhiều ngành khác nhau. Vì vậy, việc phân bổ công việc, phân chia quyền lợi gặp nhiều khó khăn, nhiều khi không tận dụng hết được nguồn lực sẵn có, phối hợp không tốt dẫn đến làm ăn tản mạn, phân tán mang lại hiệu quả không cao.

Thực tế cho thấy vai trò quản lý ở Khu du lịch là rất quan trọng và cũng được người dân đón nhận một cách tự giác, tự nguyện. Chính vì thế việc truyền tải cũng như áp dụng các cơ chế chính sách của Đảng và Nhà nước tới từng người dân địa phương, từng người làm du lịch việc làm cần thiết. Các nhà quản lý nên tận dụng lợi thế này để công tác quản lý đạt hiệu quả hơn nữa.

Một số biện pháp quản lý cụ thể:

+ Xây dựng, quy hoạch luôn đảm bảo yêu cầu giữ gìn cảnh quan môi trường. Đặc biệt là khu vực lòng sông cần được nạo vét, gom rác thường xuyên, đặt các thùng rác, những khu chứa rác ở những nơi thuận tiện với tuyến tham quan.

+ Tạo ra mối liên hệ tốt giữa chính quyền địa phương, Ban Quản lý và các đơn vị kinh doanh du lịch để cùng quản lý hoạt động du lịch vì những lợi ích chung.

+ Cần tiến hành song song hai hình thức trợ giúp quản lý là: giáo dục và cưỡng chế.

Cơ chế chính sách về thuế:

Khu du lịch Tam Cốc – Bích Động là nơi có nguồn tài nguyên du lịch phong phú. Tuy nhiên, việc khai thác các lợi thế này vào phát triển du lịch còn nhiều hạn chế. Thêm vào đó do tính chất, đặc điểm của Khu du lịch có thời gian tham quan ngắn nên không khả năng thu hút đầu tư kém. Để khuyến khích các nhà đầu tư vào các dự án du lịch của khu cần có chính sách ưu tiên như: ưu tiên miễn giảm thuế đất, ưu đãi về thuế thu nhập, ưu đãi thuế khai thác và sử dụng tài nguyên phục vụ phát triển du lịch ...

Bên cạnh đó cần có chính sách ưu đãi về giá điện, nước, nguyên vật liệu phục vụ cho các dự án bảo tồn hệ sinh thái, các khu di tích lịch sử văn hóa.

❖ Chính sách đầu tư:

Ưu tiên cho các dự án phát triển cơ sở hạ tầng của Khu du lịch như: đường giao thông, bến thuyền, bãi đỗ xe ...

Tại khu vực có sự đa dạng sinh thái như: Thung Nham, khu vườn chim... ưu tiên các dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, các dự án bảo tồn, bảo vệ sinh thái.

Để nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch cần đầu tư cho cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch đồng bộ, hiện đại.

Đầu tư cho tuyên truyền, quảng bá tiềm năng, tài nguyên tại khu du lịch để thu hút khách tới tham quan.

Từng bước thực hiện xã hội hóa đầu tư trong khu vực để huy động nguồn vốn từ các thành phần kinh tế trong và ngoài tỉnh.

Có cơ chế chính sách đảm bảo an ninh trật tự cho khu vực đầu tư và kinh doanh.

Ngân sách nhà nước ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng (điện, nước, đường giao thông, thông tin liên lạc, môi trường, giải phóng mặt bằng...) cho các dự án đầu tư vào du lịch.

3.2. GIẢI PHÁP VỀ SẢN PHẨM DU LỊCH

❖ Đa dạng hóa sản phẩm:

Sự xuất hiện của hàng loạt các khu du lịch, khu nghỉ mát, du lịch cuối tuần với nhiều loại hình du lịch hấp dẫn thời gian vừa qua đã tạo cho du khách có thêm nhiều lựa chọn. Bên cạnh đó cũng chính là sự cạnh tranh trong việc thu hút khách đến với khu du lịch. Do vậy Ban Quản lý Khu du lịch Tam Cốc – Bích Động cần có những chiến lược kinh doanh cụ thể và thích hợp với xu thế phát triển hiện nay.

Đa dạng hóa sản phẩm du lịch là một yếu tố không thể thiếu trong phát triển du lịch. Ở Khu du lịch Tam Cốc – Bích Động mới chỉ có những loại hình du lịch như tham quan du lịch thuần túy, ngắm cảnh. Gần đây đã xuất hiện một số hình thức du lịch khác như leo núi... nhưng vẫn chưa được quan tâm đúng mực cho nên chưa tận dụng được tiềm năng phát triển của vùng. Vì vậy việc khai thác, khám phá những nguồn tài nguyên khác là rất cần thiết.

Khai thác tối đa tài nguyên tự nhiên để xây dựng nhiều loại hình tour, tuyến mới:

+ Việc tổ chức các tuyến du lịch sinh thái trong hệ sinh thái trên núi đá vôi thường gắn liền với tham quan, thám hiểm hang động. Trên núi đá vôi còn có thể tổ chức các trò chơi thể thao mạo hiểm như leo núi ...

Đối với các sản phẩm truyền thống, để thu hút khách không chỉ về chất lượng, uy tín, mẫu mã mà cần phải có những chương trình khách trương, quảng bá sản phẩm. Nên phát triển loại hình du lịch “Homestay”. Bởi lẽ thị trường khách đến Tam Cốc – Bích Động phần lớn là khách quốc tế nên việc để khách “Ba cùng”: Cùng ăn, cùng ở, cùng sinh hoạt với người dân là điều hết sức thú vị. Các hộ cũng như các doanh nghiệp làm thêm, bên cạnh việc trưng bày, bán các sản phẩm thì nên có những hình thức hoạt động như: Giới thiệu và tạo điều kiện cho khách cùng tham gia vào công việc thêm (trong một công đoạn nào đó). Du khách được trực tiếp lao động và tạo ra sản phẩm cho chính mình chắc chắn sẽ rất thú vị và hài lòng.

Đối với các lễ hội truyền thống, ngoài phần “lễ” có định ra, cần khai thác các trò chơi diễn xướng dân gian. Du khách không những được xem mà còn có thể được tham gia vào các lễ hội, phải làm thế nào để cho du khách cảm nhận được không khí sôi động, náo nhiệt của lễ hội.

❖ **Tạo ra sản phẩm độc đáo:**

Bên cạnh việc tạo ra nhiều sản phẩm (tính đa dạng) thì yếu tố độc đáo, mới lạ cũng hết sức cần thiết.

Mỗi địa phương, mỗi hệ thống lãnh thổ du lịch đều có những nguồn lực phong phú, đặc sắc, đó là thế mạnh để phát triển du lịch riêng của mỗi vùng. Do vậy, bên cạnh việc tạo ra nhiều sản phẩm du lịch thì Ban Quản lý Khu du lịch Tam Cốc – Bích Động cần tạo ra nhiều sản phẩm du lịch mang tính chuyên biệt, mũi nhọn của mình để tạo ra sức cạnh tranh cũng như tạo ra ấn tượng sâu sắc cho du khách.

Phần lớn các sản phẩm phục vụ du lịch của địa phương chưa mang tính đặc trưng, chưa có tính đột phá. Hầu hết các mặt hàng lưu niệm dù được sản xuất ở địa phương hay nhập từ nơi khác về đều có mẫu mã giống nhau. Điều này khiến cho du khách dù muốn mua hàng để kỷ niệm về nơi đã tới tham quan nhưng bản thân mặt hàng lại không có dấu ấn riêng, thậm chí còn rất mờ nhạt.

Thôn Văn Lâm có làng nghề thêu truyền thống, để phát huy được lợi thế này, ngành du lịch nói chung và Ban Quản lý khu du lịch Tam Cốc – Bích Động nói riêng cùng các nghệ nhân đầu tư vào tạo ra nhiều mẫu tranh thêu mới. Các mẫu tranh này mang nội dung miêu tả về phong cảnh cùng cuộc sống của người dân nơi đây.

❖ **Nâng cao chất lượng dịch vụ:**

Thường xuyên kiểm tra, đánh giá xếp loại các cơ sở lưu trú, ăn uống, các phương tiện vận chuyển khách du lịch theo tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế.

Đề ra những quy định chặt chẽ về tiện nghi, trang thiết bị cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch.

Cử đội ngũ nhân viên quản lý, phục vụ đi học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, thái độ phục vụ, đón tiếp khách du lịch.

Khuyến khích các dự án đầu tư cơ sở vui chơi giải trí, có hệ thống dịch vụ chất lượng cao.

3.3. GIẢI PHÁP VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG XÚC TIẾN DU LỊCH

- Tiến hành nghiên cứu và xác định thị trường mục tiêu. Qua đó nhận biết được vị thế sản phẩm của mình trong thị trường mục tiêu như thế nào, từ đó đưa ra những chính sách phát triển cho phù hợp.

- Thực hiện xúc tiến qua các công cụ:

+ **Quảng cáo:**

Thời điểm: Chuẩn bị bước vào thời kỳ chính vụ và thấp vào giữa vụ

Hình thức quảng cáo in: quảng cáo bằng tờ rơi, tập gấp, catalogue, chỉ dẫn giới thiệu về Ban Quản lý, Khu du lịch, một số điểm tham quan chính, hệ thống nhà hàng, khách sạn tại khu du lịch. Đặc biệt trong đó phải chú ý đến thông điệp của Ban Quản lý đưa ra về Khu du lịch Tam Cốc – Bích Động, khẳng định giá trị của mình trong tâm trí du khách.

Quảng cáo bằng Pano, áp phích: Kết hợp với Sở Du lịch Ninh Bình và UBND thành phố Ninh Bình, cách quảng cáo này đã mang lại hiệu quả và được Ban Quản lý áp dụng khá tốt. Cần chú ý đổi mới các hình ảnh trên pano, áp phích. Ngoài ra có thể quảng cáo trên taxi đón khách, thông qua các hang lữ hành vận chuyển, biển quảng cáo ở nhà ga, bến xe...

Quảng cáo qua internet với các website:

<http://tamcocbichdong.com.vn/>.

Tuy nhiên thông tin cần phải được cập nhật liên tục, thường xuyên.

+ **Bán hàng:**

Nên có những chính sách ưu đãi để bán được nhiều sản phẩm, đặc biệt vào thời kỳ trái vụ, vào ngày lễ tết...

+ **Quan hệ công chúng:**

Qua các phương tiện cần mở rộng mối quan hệ hợp tác với khách du lịch, các hang lữ hành, các đại lý du lịch...

Tích cực tham gia vào các hội chợ triển lãm trong và ngoài nước: ví dụ từ 8- 14/4/2008, Ban Quản lý đã tham dự Hội chợ thương mại và du lịch Ninh Bình với chủ đề :“ Phát triển du lịch Ninh Bình trong tương quan hỗ trợ của các tỉnh, thành phố trong cả nước”.

+ **Đầu tư ngân sách cho hoạt động xúc tiến:** dành khoảng 4-5% tổng doanh thu.

+ **Liên kết các sản phẩm:** Tại khu du lịch cũng nên thành lập Trung tâm xúc tiến du lịch để gắn kết các sản phẩm du lịch để cung ứng cho du khách.

3.4. GIẢI PHÁP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Con người là yếu tố vô cùng quan trọng trong hoạt động du lịch. Nhìn chung du lịch đã thu hút sự quan tâm lớn của người dân địa phương, đặc biệt là đối với thôn Văn Lâm. Du lịch đã trở thành nguồn sống của họ. Tuy nhiên, sự tham gia của họ mới chỉ là tự phát, đang trong bước đầu đi vào quy củ. Cho nên để người dân thực hiện tốt các quy định trong khu du lịch, có lòng nhiệt tình hơn trong công việc, có thể nên áp dụng các hình thức sau:

❖ Giáo dục và đào tạo phát triển nguồn nhân lực:

Trên thực tế, chất lượng nguồn lao động du lịch hiện nay rất bất cập. Tình trạng những doanh nghiệp du lịch được hình thành do chủ doanh nghiệp có một số vốn tương đối lớn song chưa được đào tạo qua một trường lớp nghiệp vụ nào không phải là ít. Chính vì vậy, tính chuyên nghiệp thường bị hạn chế và hầu như bị áp đặt theo tư duy của “ông chủ”. Đội ngũ hướng dẫn viên không chỉ non yếu về trình độ ngoại ngữ, không tinh thông về nghiệp vụ mà còn hiểu biết hạn chế về truyền thống văn hóa lịch sử cũng như những giá trị danh lam thắng cảnh. Đội ngũ cán bộ quản lý còn chưa theo kịp với sự phát triển và hội nhập, năng lực quản lý cũng như trình độ chuyên môn còn nhiều hạn chế. Số lượng lao động qua đào tạo cần tăng 19.000 người mỗi năm, trong khi đó tổng số cơ sở đào tạo du lịch hiện nay khoảng 70 trường với 13.000 người tốt nghiệp mỗi năm, chỉ có 3,1% lao động có bằng đại học.

Do đó cần tổ chức các lớp học hỏi nâng cao trình độ tay nghề của đội ngũ cán bộ công nhân viên trong Ban quản lý, đặc biệt là nâng cao trình độ ngoại ngữ.

Tổ chức các chuyến tham quan học tập, giao lưu cho người dân chèo đò xã Ninh Hải.

Tổ chức các lớp học giáo dục cộng đồng cho người dân xã Ninh Hải.

Cần mở các lớp bồi dưỡng, giáo dục về du lịch cộng đồng cho người dân (về phương thức làm du lịch, thái độ với khách du lịch, về môi trường...), cho khách du lịch (về môi trường, tôn trọng văn hóa bản địa...) và cho tất cả những người làm du lịch.

❖ **Hỗ trợ cộng đồng địa phương về kinh tế:**

Mặc dù du lịch mang lại trình độ cho người dân địa phương nhưng yếu tố kinh tế là vấn đề cơ bản của mọi hành động. Du lịch phải góp phần hỗ trợ kinh tế địa phương, nâng cao mức sống của người dân.

Các hộ dân xung quanh khu du lịch, mối quan hệ giữa họ và ngành du lịch chỉ là gián tiếp, du lịch chưa tận dụng được tiềm năng từ nơi họ. Sau này, khi các dự án du lịch được hoàn thiện, các khách sạn đi vào hoạt động thì có thể huy động các hộ dân ở các thôn lân cận để trồng rau sạch, hoa quả tươi cùng một số sản vật khác, vừa có thể phục vụ cho mục đích du lịch vừa làm cho người dân có thêm việc làm, thêm thu nhập.

Ở xã Ninh Hải, người dân trực tiếp tham gia hoạt động du lịch. Hiện nay du lịch mới chỉ là ngành kinh tế thứ 2, tồn tại song song với nghề nông. Một khi du lịch hoàn toàn thay thế nông nghiệp, trở thành ngành kinh tế chủ đạo thì người dân ở đây cần có tác phong của người làm du lịch. Song để người dân tham gia một cách tích cực, tự nguyện, hiệu quả thì phải đảm bảo

cuộc sống cho họ và những lợi ích thiết thực bằng cách giúp họ có công ăn việc làm ổn định.

Đoạn đường từ quốc lộ 1 đến bến Đình Các dài khoảng 3km. Ngoài việc chuyên chở khách bằng các phương tiện hiện đại thì hiện nay du lịch đã đưa vào khai thác các phương tiện vận chuyển khách thô sơ như xe bò, xe trâu độc đáo. Hình thức này vừa giúp bảo vệ môi trường, vừa tạo cảm giác mới lạ cho du khách. Không những vậy nó còn mang lại thu nhập cho người dân. Phương án này hiện đang được triển khai một cách rộng rãi.

Hỗ trợ vốn cho người dân để họ có điều kiện mua sắm thuyền đò, mở các kiốt bán hàng lưu niệm hoặc kinh doanh các dịch vụ du lịch khác... tránh tình trạng các kiốt sẽ tập trung vào một tay tư nhân từ nơi khác tới... Đồng thời cũng tránh tình trạng cấp vốn mà không hướng dẫn, không quản lý dẫn đến tình trạng đầu tư thất bại, chưa kể đến việc thâm hụt vốn. Chính vì thế mà vai trò của các hội phụ trách, đảm bảo quyền lợi cho người dân là rất quan trọng.

❖ **Xây dựng “thương hiệu” của khu du lịch:** thông qua một số sản phẩm đặc trưng ở địa phương như:

+ ***Ẩm thực:***

Thịt dê là một đặc sản nổi tiếng, được nhiều người biết đến. trong khi khuyến khích các hộ dân nuôi dê để cung cấp thịt thì cần phải tìm những phương thức chế biến các món ăn ngon hơn nữa để thu hút và giữ khách.

+ ***Phát triển làng nghề du lịch:***

Nơi đây có làng nghề truyền thống nên được rất nhiều đoàn khách trong nước và nước ngoài đến thăm, vừa để học hỏi kinh nghiệm, vừa để tìm hiểu. Hầu hết người dân ở đây rất nhiệt tình, vui vẻ không mấy khó chịu khi khách đến thăm nhà mình. Nếu số lượng khách ít thì không sao nhưng số

lượng khách nhiều sẽ gây cho người dân cảm giác khó chịu vì bị đảo lộn cuộc sống thường nhật. Chính vì thế cần tập trung một số hộ gia đình làm mẫu để khách tham quan và có thù lao cho họ.

Cần nghiên cứu điều tiết sao cho giảm bớt tiền trích từ vé đò cho công tác phí nhằm tăng thêm tiền công của người lái đò lên, sao cho người dân thấy công bằng và cảm giác họ được trả công xứng đáng.

❖ **Nâng cao chất lượng tham gia du lịch của người dân:**

- Phương tiện tham gia:

Các thuyền bè cần được sửa sang cho sạch đẹp, đảm bảo an toàn cho du khách. Tuy nhiên để xây dựng mô hình du lịch sinh thái thì loại thuyền bằng tôn đang được sử dụng hiện nay là chưa đảm bảo nguyên tắc. Nó chỉ đáp ứng một cách tạm thời trong giai đoạn du lịch phát triển về số lượng mà chưa tính đến lâu dài. Cho nên phương thức dùng thuyền nan nên được áp dụng lại. Thuyền nan tuy không bền bằng thuyền tôn nhưng rẻ hơn và tạo cảnh quan đúng với môi trường hoang sơ, hòa hợp với thiên nhiên đồng thời cũng đảm bảo nguyên tắc du lịch sinh thái. Song bên cạnh đó cũng phải tính đến phương pháp để bảo quản độ bền của thuyền và trong những ngày nắng, ngày mưa có mái che cho du khách.

- Tính chuyên nghiệp:

+ Những người dân trong khi chèo thuyền đưa khách đi nhiều khi ăn mặc không tươm tất, làm cho khoảng cách giữa khách du lịch và người dân thêm xa, chưa hấp dẫn du khách. Để tạo ra phong cách riêng thì du lịch Tam Cốc – Bích Động cần rất nhiều yếu tố, trong đó hình thức cũng là một vấn đề quan trọng. Ngoài động phục cho cán bộ công nhân viên thì cũng nên có đồng phục cho người chèo đò mang phong cách của một vùng quê nông thôn đồng bằng Bắc Bộ đặc trưng, giản dị mà không đơn điệu.

+ Người dân luôn mong muốn có nhiều khách đến, như thế họ sẽ có nhiều lần chở đò hơn và có nghĩa là họ sẽ có thêm thu nhập. Nhưng phải tạo cho họ có một thái độ phục vụ chuyên nghiệp, tận tình. Để không có tình trạng phân biệt khách nội, khách ngoại...

+ Do tính chất công việc thường xuyên lặp đi lặp lại dễ gây nhàm chán nên để người dân có hứng khởi, chuyên chở khách với một thái độ nhiệt tình, trách nhiệm xen lẫn niềm tự hào về quê hương của mình. Giúp họ trở thành thành viên thực thụ có quyền lợi và trách nhiệm trong công việc.

- Bảo vệ môi trường:

Việc khai thác tài nguyên không chỉ là trước mắt mà còn tính đến lâu dài, cho nên việc bảo vệ môi trường không chỉ là sự quan tâm của các nhà quản lý mà phải có sự quan tâm của người dân địa phương. Do vậy, ngoài việc nghiêm cấm chặt cây, lấy củi, phong lan, săn bắt động vật hoang dã ... thì việc tổ chức các lớp giáo dục môi trường, giáo dục cộng đồng cho những người dân là hết sức cần thiết.

3.5. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN LOẠI HÌNH DU LỊCH NÔNG NGHIỆP

Hiện tại, tại Khu du lịch Tam Cốc – Bích Động thì hoạt động du lịch nổi bật loại hình tham quan, tuy không còn có những khu dân cư với những nét sinh hoạt và kiến trúc truyền thống nhưng ở đây vẫn có thể phát triển loại hình du lịch nông nghiệp. Loại hình du lịch này rất hấp dẫn đối với các du khách đến từ các vùng miền khác, đặc biệt là khách du lịch nước ngoài.

Sở Du lịch Ninh Bình và Ban Quản lý khu du lịch Tam Cốc cùng cộng đồng địa phương đưa ra những tour du lịch đưa khách du lịch tham gia, khám phá cuộc sống, phong tục, kiến trúc, lễ hội cùng các tập quán sinh

sống và canh tác của làng xã nông thôn điển hình của vùng đồng bằng Bắc Bộ.

Ban Quản lý có thể tập trung một số hộ vẫn giữ được những nét kiến trúc truyền thống, quy hoạch thành một cụm và hướng dẫn họ phương thức làm du lịch. Đồng thời, đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật nhằm đảm bảo những nhu cầu tối thiểu của khách du lịch mà vẫn không làm mất đi những giá trị truyền thống, những yếu tố làm nên sức hấp dẫn cho du lịch nông nghiệp.

KẾT LUẬN

Qua các phần đã trình bày ở trên, có thể đi tới kết luận sau :

1- Du lịch ngày càng đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của nước ta. Mối quan hệ giữa phát triển du lịch và cộng đồng dân cư địa phương tại các điểm đến du lịch ngày càng trở nên khăng khít, có tác động tương hỗ. Ngày nay, loại hình du lịch cộng đồng đã được nhà nước và các cấp chính quyền địa phương Việt Nam quan tâm và đạt được các thành tựu triển vọng.

2- Tam Cốc – Bích Động là một khu du lịch có nhiều nguồn lực để phát triển du lịch. Sự tham gia của cộng đồng địa phương vào hoạt động du lịch là rất lớn. Song hiện nay vẫn còn nhiều hạn chế. Nguyên nhân chính là do: Nhận thức của cộng đồng chưa đầy đủ về lợi ích cũng như nghĩa vụ khi tham gia hoạt động du lịch; Quyền được biết của cộng đồng về quy hoạch, về các quy định quản lý còn chưa được thực hiện nghiêm túc; Hệ thống chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho cộng đồng chuyển đổi nghề, tham gia vào các hoạt động du lịch để ổn định cuộc sống còn có những bất cập; Cộng đồng chưa có sự hỗ trợ đầy đủ (về vốn, kỹ thuật, thông tin...) để phát triển những dịch vụ một cách lâu dài với chất lượng tốt.

3- Để thúc đẩy sự phát triển du lịch cộng đồng tại Khu du lịch Tam Cốc – Bích Động trong thời gian tới cần áp dụng đồng bộ một số giải pháp chính là :

- Giải pháp về cơ chế chính sách;
- Giải pháp về sản phẩm du lịch;
- Giải pháp về các hoạt động xúc tiến du lịch;
- Hỗ trợ cộng đồng nhân dân địa phương trong các lĩnh vực phát triển nguồn nhân lực; kinh tế; thương hiệu; chất lượng dịch vụ; cũng như tăng

cường sự tham gia của cộng đồng địa phương vào các hoạt động phát triển; tạo điều kiện thuận lợi để người dân có thể tham gia vào quá trình quy hoạch, giám sát thực hiện các quy hoạch phát triển tại những nơi mà cuộc sống của cộng đồng gắn liền; nâng cao nhận thức cho cộng đồng dân cư về trách nhiệm bảo vệ tài nguyên - môi trường.

- Giải pháp phát triển loại hình du lịch nông nghiệp./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1 . **Bùi Hải Yến, 2006.** Quy hoạch du lịch. NXB Giáo dục.
- 2 . **Bùi Hải Yến, 2006.** Tuyển điểm du lịch Việt Nam. NXB. Giáo dục.
- 3 . **Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tổng cục Du lịch, 2009.** Tạp chí Du lịch Việt Nam, số 11/2009.
- 4 . **Lã Đăng Bật, 2002.** Di tích danh thắng Ninh Bình. Báo cáo lưu trữ Văn phòng HĐND và UBND tỉnh Ninh Bình.
- 5 . **Lã Đăng Bật, 2004.** Về với Vịnh Hạ Long cạn. NXB. Văn hóa Dân tộc. .
- 6 . **Nguyễn Văn Đính, Trần Thị Minh Hòa, 2006.** Giáo trình Kinh tế Du lịch. NXB. Lao Động – Xã hội.
- 7 . **Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, khóa XI, kỳ họp thứ 7, 2005.** Luật Du lịch. NXB. Chính trị Quốc gia.
- 8 . **Sở Du lịch Ninh Bình, 2006.** Điều chỉnh bổ sung quy hoạch Khu du lịch Tam Cốc – Bích Động đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020.
- 9 . **SNV Việt Nam và Đại học Tổng hợp Hawaii, Trường Đào tạo quản lý Du lịch.** Bộ công cụ quản lý và giám sát du lịch cộng đồng, mạng lưới du lịch bền vững vì người nghèo.
- 10 . **Sở Du lịch Ninh Bình, 2006.** Báo cáo tổng thể quy hoạch Ninh Bình 2007 – 2020.
- 11 . **Trần Thị Mai.** Du lịch cộng đồng và du lịch sinh thái.
- 12 . **Võ Quế, 2006.** Du lịch cộng đồng lý thuyết và vận dụng. NXB. Khoa học và Kỹ thuật..
- 13 . **Viện nghiên cứu và phát triển du lịch.** Hội thảo chia sẻ bài học kinh nghiệm phát triển du lịch Cộng đồng ở Việt Nam.

14 . Website :

www.dulichninhbinh.gov.

www.google.com.

www.tamcocbichdong.com.vn

www.ninhbinhtourism.com.vn

www.vietnamtourism.com.vn

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Một số hình ảnh về Khu du lịch Tam Cốc – Bích Động



Ảnh 1- Một đầm sen thơ mộng ở Khu du lịch
Tam Cốc – Bích Động



Ảnh 2- Sẵn sàng đưa du khách vào Tam Cốc



Ảnh 3- Hành trình vào Tam Cốc



Ảnh 4- Đền Thái Vi



Ảnh 5- Bến Thái Vi (bến Thánh)



Ảnh 6- Các ngân nước biên cổ ở Tam Cốc – Bích Động



Ảnh 7- Một đoàn khách du lịch Pháp thăm Tam Cốc – Bích Động



Ảnh 8- Một tấm bia đá cổ đặc sắc ở Tam Cốc – Bích Động



Ảnh 9- Những hình thù kỳ dị trong hang động vùng Tam Cốc – Bích Động

**Phụ lục 2: Quyết định của UBND tỉnh Ninh Bình về việc quy hoạch, điều
chỉnh bổ sung khu du lịch Tam Cốc – Bích Động từ 2006 – 2010 và định
hướng đến năm 2020.**

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỈNH NINH BÌNH

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

số: 2795/QĐ - UBND

Ninh Bình, ngày 14 tháng 12 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt quy hoạch điều chỉnh, bổ sung khu du lịch
Tam Cốc – Bích Động thời kỳ 2006 – 2010 và
định hướng đến năm 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Căn cứ luật tổ chức Hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân ngày
26/11/2003

- Căn cứ nghị định số 08/2005/NĐ- CP ngày 24/01/2005 của Chính
phủ về Quy hoạch xây dựng

Xét hồ sơ Quy hoạch và đề nghị của Sở Xây dựng tại tờ trình số
562/TT – SXD ngày 04/12/2006.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch điều chỉnh, bổ sung khu du lịch Tam
Cốc – Bích Động thời kỳ 2006 – 2010 và định hướng đến năm 2020, gồm
những nội dung sau:

I. Quy mô, phạm vi điều chỉnh và bổ sung:

1. Tổng diện tích đất khu du lịch Tam Cốc – Bích Động sau khi điều chỉnh, bổ sung quy hoạch là 350,3 ha, bao gồm:

+ 155 ha đất quy hoạch phê duyệt tại quyết định số 1713/QĐ - UB ngày 30 tháng 12 năm 1997 sau khi điều chuyển cho 45 ha dự án khu du lịch Tràng An.

+ Bổ sung 195,3 ha thuộc địa bàn xã Ninh Hải, Ninh Xuân huyện Hoa Lư, xã Sơn Hà huyện Nho Quan và xã Yên Sơn thuộc thị xã Tam điệp.

2. Điều chỉnh chức năng dịch vụ du lịch của một số điểm thuộc Khu hồ Trung tâm Đình Các, khu nghỉ dưỡng chùa Bích Động, với diện tích 18,3 ha.

II. Cơ cấu sử dụng đất.

Bảng tổng điều chỉnh, bổ sung quy hoạch

T	Tên khu đất	Chức năng	Diện tích(ha)	Vị trí	Hạng mục xây dựng
A điều chỉnh quy hoạch được duyệt năm 1997 từ 200 ha còn 155 ha					
1	Điều chuyển 45 ha từ đập Bạc Bài – Suối Tiên - Đền Nội Lâm sang dự án khu du lịch Tràng An		45	Nằm ở phía Tây Nam trong quy hoạch khu du lịch Tràng An	
2	Điều chỉnh chức năng một số điểm		18,3		
2.1	Khu trung tâm bến thuyền Cây Đa		8,0		
-	Khu công viên cây xanh	Công viên cây xanh, khu dạo chơi	1,1	Giáp chân núi cửa Quèn và nhà hàng Tam Cốc của công ty CP Du Lịch Ninh Bình trên	Chuyển đổi chức năng từ công viên cây xanh thành đất cây xanh và dịch vụ,

Một số giải pháp thúc đẩy phát triển du lịch cộng đồng tại Khu du lịch
Tam Cốc - Bích Động, Ninh Bình

				tuyến đường vào Đền Thái Vi	nuôi bướm, vui chơi thể thao, giải trí...
-	Khu trồng sen, súng	Tạo cảnh quan	5,8	Giáp bên thuyền Cây Đa và khu dịch vụ của C.ty CP DL NB	Chuyển đổi từ đất trồng sen súng thành hồ và đảo
-	Khu bến thuyền và đón tiếp	Đón tiếp	1,0	Bến thuyền cây đa	Bến thuyền, nhà đón tiếp
-	Đất xây dựng cơ sở hạ tầng		0,1	Góc cơ sở dịch vụ	
2.2	Trung tâm bến thuyền Linh Cốc	Đón tiếp, dịch vụ tổng hợp	10,3	Từ đường vào thôn Hải Nham tới đường vào chùa Linh Cốc, qua đập Trần tới đường chính vào chùa Bích Động	-Hồ trung tâm, đảo vui chơi giải trí. Bến xe, bến thuyền Nhà điều hành Nhà dịch vụ tổng hợp
B diện tích và phân khu chức năng khu vực quy hoạch bổ sung (195,3 ha)					
1	Thung Ao Mép, Toà Xi, gần Điện Thái vi	Khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp	20,0	Cách Đền Thái Vi 500m về phía Tây	- Khu đón tiếp - Các nhà nghỉ cao cấp -Khu vui chơi thể thao, giải trí
2	Khu Hang Múa	- Dịch vụ du lịch	10,0	Thuộc địa phận thôn Khê Hạ, xã Ninh Xuân	Sân khấu. Bến thuyền cho khán giả, dịch vụ du lịch,

Một số giải pháp thúc đẩy phát triển du lịch cộng đồng tại Khu du lịch
Tam Cốc - Bích Động, Ninh Bình

					trồng sen súng, cây xanh cảnh quan.
3	Khu trước cửa hang Chùa	Bãi đỗ xe	0,3	Nằm cửa phía Bắc Hang Chùa thuộc Thôn Hải Nham	Bãi xe ô tô
4	Thung Hang Chùa	Dịch vụ vui chơi giải trí	6,2	Toàn bộ Thung Giữa từ cửa hang Chùa đến Hang Ghé	-Nhà ăn, nhà nghỉ -Khu nghỉ dưỡng nâng cấp phục hồi sức khỏe -Bể bơi, hồ nước, máng trượt, trung tâm điều hành, quầy hàng lưu niệm.
5	Thung Một	Dịch vụ lâm viên, leo núi, trang trại, nhà vườn.	37,9	Toàn bộ Thung Một từ cửa Hang Ghé tới eo Cổ Ngựa	- Trang trại - Đào hồ nước -Nhà sàn -Khu nuôi trồng sen
6	Thung Đụn	Du lịch tham quan hệ sinh thái ngập nước, leo núi mạo hiểm	7,9	Khu vực núi Gia Định nhỏ, Gia Định to, núi Đầu Cầu	-Nạo vét tuyến đường thủy. -Khu vui chơi leo núi mạo hiểm

Một số giải pháp thúc đẩy phát triển du lịch cộng đồng tại Khu du lịch
Tam Cốc - Bích Động, Ninh Bình

7	Thung Nắng trong và Thung Nắng ngoài	Du lịch sinh thái kết hợp leo núi mạo hiểm	19,8	Từ quèn Thung Nắng ngoài tới chân quèn Thung Nắng trong	<ul style="list-style-type: none"> -Bên thuyền -Nhà đón tiếp và cho thuê thiết bị leo núi, lều bạt cắm trại. -Nhà nghỉ dân dã Khu nhà ăn
8	Thung Nham, quèn Lau Lá	Tham quan vườn chim, Khu sinh thái rừng ngập nước	34	Toàn bộ Thung Nham từ eo Cổ Ngựa đến Thung Kê	<ul style="list-style-type: none"> -Nhà đón tiếp -Khu nhà nghỉ dân dã -Nhà biểu diễn văn nghệ dân gian -Khu ăn uống đặc sản địa phương - Vườn cây ăn quả - Vườn chim ngập nước - Đường dạo trong rừng nguyên sinh
9	Khu bến thuyền nhà Lê, sông Bến Đàng	Đón tiếp, dịch vụ tổng hợp	4	Cuối đường Đồng Tâm, tiếp giáp với sông Bến Đàng	<ul style="list-style-type: none"> -Nhà đón tiếp -Các kiốt dịch vụ

					-Công viên cây xanh -Bến thuyền -Bãi xe
10	Khu thôn Đồng Tâm	Bến xe	0,2	Khu vực tiếp giáp với thôn Đồng Tâm	
11	Khu Hang Bụt, núi Tướng	Khu sinh thái rừng ngập nước, tham quan hang động	55	Từ cửa hang Bụt dọc theo sông Bến Đang tới mỏm núi Tướng nối với đường thôn Đồng Thanh	-đường dạo ven núi -Chòi nghỉ ngơi - Bến thuyền
Tổng diện tích sau khi điều chỉnh, bổ sung quy hoạch là: 155 + 195,3 = 350,3 ha					

III. Quy hoạch bổ sung các tuyến du lịch chủ yếu:

+ Tuyến du lịch tham quan Bến Cây Đa – Bến Thánh – Hang Cả - Hang Múa – Hang Hai – Hang Ba – Suối Tiên – Khu Du lịch Hang động Tràng An.

+ Tuyến du lịch Thạch Bích – Thung Nắng - Đền Vôi – Hang Thung Nắng - Đền Thung Nắng – Thung Nắng trong – Thung Nham – Rừng nguyên sinh – Hang Bụt – vườn chim – Hang Ghé – Hang Chùa.

IV. Quy hoạch hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật

1. Quy hoạch hệ thống giao thông

1.1. Giao thông bộ

* *Tuyến giao thông đường bộ quy hoạch theo hiện trạng dự án đã được duyệt.*

- Tuyến giao thông từ quốc lộ 1A vào tới bến xe Đồng Gừng dài 2,6 km, Bn = 25m, Bm = 11m, làm mới cầu Ba Vuông có bề rộng bằng mặt đường (25m).

- Tuyến giao thông từ bến xe Đồng Gừng vào chùa Bích Động dài 3 km, Bn = 9m, Bm = 6m.

- Tuyến giao thông từ Bến thuyền Cây Đa vào điện Thái Vi dài 1,6 km, Bn = 6m, Bm = 3,5 m, nâng cấp cầu Rồng, nối dài 8 công cũ qua đường.

- Tuyến giao thông từ chùa Bích Động đi chùa Móc, Thung Hang Ghé có chiều dài 3,5 km, Bn = 5m, Bm = 3,5m xây dựng cầu Mới vào chùa Móc và 10 cống qua đường các loại

** Tuyến giao thông đường bộ quy hoạch mới*

- Tuyến giao thông từ đường 12B qua thôn Đồng Tâm, xã Sơn Hà, sông Bến Đàng dài 2,8 km, BN = 7m, Bm= 5,5m.

- Đường dạo ven chân núi Tượng L = 3km, Bn = 3,1m, Bm = 2,5m

- Đường dạo trong khu vực Thung Nham tới Thung Ke và Thung Lau Lá, Bn = 3,m, Bm = 2,5m.

- Đường dạo trong Thung Nắng, Thung

Một có L = 3,7km, Bn = 3,1m, Bm = 2,5m.

- Đường leo núi từ Thung Nắng sang Eo Cỏ Ngựa dành cho hoạt động du lịch leo núi mạo hiểm L = 898m, Bn = 2,5m Bm = 3,1m.

- Đường đi bộ Chùa Móc L = 5,47 km, Bn = 3,5m, Bm = 5m.

- Đường bộ vào khu Hang Múa, điểm bắt đầu từ Km 0 đường xã Ninh Xuân (Tiếp giáp đường vào khu Hang Múa và đường liên xã) Tới điểm cuối là 792m, Bm = 3,5m, Bn = 5m.

1.2. Giao thông đường thủy:

* *Tuyến giao thông đường thủy quy hoạch theo hiện trạng dự án đã được duyệt:*

- Tuyến 1: Khôi phục tuyến đường sông, xây dựng bến thuyền mở rộng dòng chảy và nạo vét lòng sông từ chùa Linh Cốc qua Hang Chùa, Hang Ghé tới Hang Bụt có tổng chiều dài 4,8km, B đáy = 10m.

* *Tuyến giao thông đường thủy quy hoạch mới:*

- Tuyến 1: Từ bến thuyền trung tâm Linh Cốc đi theo sông Vụng Hân tới đập Đồng Tô vào Thung Nắng dài 3,5 km, B đáy = 10m. Mở rộng dòng chảy và nạo vét lòng sông. Đào rộng khu đất bán ngập nước xung quanh chân 3 quả núi tại Thung Đụn (Gia Định Con, Gia Định To, Núi Đầu Cẩu) và tạo hồ cảnh quan trồng sen cảnh

- Tuyến 2: Từ sông Bến Đàng đến Hang Bụt dài 700m, B đáy = 10m. Mở rộng dòng chảy và nạo vét lòng sông. Xây dựng một cầu du lịch qua sông Bến Đàng rộng 4m, dài 21,6m.

- Tuyến 3: Nối tuyến đường thủy từ cửa Hang Cả đến cửa Hang Múa dài 200m, B đáy = 10m.

2. Quy hoạch hệ thống cấp điện.

Xây dựng mới hai trạm biến thế, một đặt tại khu vực bến thuyền Thạch Bích, một đặt tại khu đón tiếp bến thuyền Nhà Lê lối vào Hang Bụt.

Hai trạm biến thế này được cung cấp điện bởi đường dây 22KV, và các đường dây 10 KV cung cấp điện tới từng điểm du lịch trong phạm vi quy hoạch mở rộng đảm bảo cung cấp điện cho khu du lịch đến năm 2020 đồng thời tách riêng khỏi lưới điện phục vụ dân sinh và nông nghiệp. Không bị phụ thuộc vào nguồn điện của khu Tam Cốc – Bích Động.

Hệ thống đường dây hạ thế qua các khu vực có hoạt động khai thác du lịch đi ngầm để đảm bảo mỹ quan và an toàn(Chi tiết theo thuyết minh và bản vẽ trình duyệt).

3. Quy hoạch hệ thống cấp nước

Tại mỗi khu chức năng độc lập sẽ có một trạm bơm và một trạm xử lý nước và một số các bể chứa nước. Quy trình xử lý nước sinh hoạt theo phương pháp hoá học sử dụng keo tụ bằng phèn, sau đó khử trùng bằng clo, làm mềm bằng vôi v.v... (vị trí các trạm bơm và trạm xử lý nước theo thuyết minh và bản vẽ trình duyệt).

Mạng lưới phân phối nước sử dụng ống thép tráng kẽm, ống gang có đường kính 25 – 90 mm và chịu áp lực 6kg/cm². Sau khi đi qua trạm xử lý nước sẽ sử dụng máy bơm cao áp đảm bảo áp lực đầu vòi tối thiểu từ 6-10m, đưa nước đến đài nước có dung tích 10m để cấp nước khi không dùng bơm.

4. Quy hoạch hệ thống thoát nước.

Nước thải của các công trình xây dựng, dịch vụ đón tiếp, bãi xe ở bên ngoài cần được thu gom và làm sạch bằng các bể tự hoại riêng biệt cho từng khu vực trước khi chảy ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

Nước thải của các công trình dịch vụ (ăn uống, tắm, giặt là, tẩy hấp...) tại các khu du lịch nằm sâu trong núi như: Thung Nham, Thung Nắng cần được thu gom làm sạch bằng các công trình xử lý nước cục bộ bao gồm: Bể lắng cát, bể gạt mỡ, bể tự hoại, bể lọc sinh học (hoá khí hoặc yếm khí). Đảm bảo nước thải sau khi xử lý đạt được tiêu chuẩn quy định của Việt Nam trước khi xả ra môi trường tự nhiên hoặc ra sông.

Phương án thoát nước mưa triệt để tận dụng địa hình tự nhiên, khơi thông các dòng chảy tạo điều kiện để nước mưa thoát nhanh ra sông. Nghiên cứu giải pháp đào hồ trữ nước và tạo cảnh quan tại các khu vực như Thung Một, thung Hang Ghé, đồng thời lấy đất tôn nền xây dựng công trình.

5. Vệ sinh môi trường

Thu gom và xử lý chất thải rắn được tiến hành như sau:

Đối với các khu nhà nghỉ phải có các thùng chứa rác cho các loại chất thải như vỏ hộp, chai lọ, đồ ăn thừa và được chở ra bằng thuyền tới khu thu gom rác thải ở bên ngoài phạm vi khu du lịch để mang đi xử lý phân loại.

Rác thải do lá cây rụng, sẽ được quét và thu gom để tận dụng tạo nguồn phân xanh cung cấp cho các khu đất trồng cây nông nghiệp, ngoài vùng du lịch.

Trong các khu tham quan sinh thái tự nhiên, hoang dã đặt các thùng rác, xây dựng nhà vệ sinh theo kiểu hai ngăn, thấm tự nhiên và có biển hướng dẫn cho khách.

Điều 2. Sở du lịch là chủ dự án, chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, Hoa Lư, Gia Viễn, Nho Quan, Thị xã Tam Điệp và các sở, ngành liên quan: Công bố công khai, rộng rãi, đầy đủ nội dung quy hoạch đã phê duyệt cơ các ngành, địa phương, đơn vị và nhân dân biết, tổ chức cắm mốc tại thực địa, đồng thời quản lý xây dựng theo đúng quy hoạch.

Điều 3. Chánh văn phòng UBND Tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Du lịch. Thủ trưởng các ngành có liên quan. Chủ tịch UBND các huyện: Hoa Lư, Gia Viễn, Nho Quan, chủ tịch UBND thị xã Tam Điệp chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Chủ tịch, các PCT
- Lưu VT, VP4, VP5

UBND Tỉnh

TM ỦY BAN
NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

BÙI THỊ THANH

ĐÃ KÝ